

Số: 265/BC-CTK

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2022

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

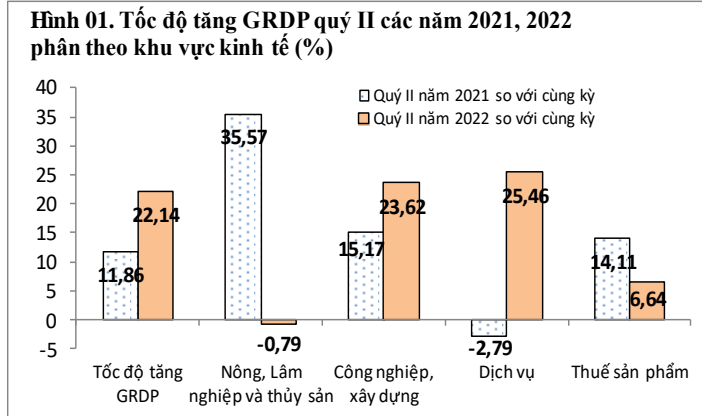
Kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm nay diễn ra trong bối cảnh: *Trên phạm vi thế giới*, đại dịch Covid-19 được ngăn chặn đáng kể, ngày càng nhiều quốc gia mạnh dạn mở cửa, nới lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ nền kinh tế trong nước vượt qua giai đoạn khó khăn sau dịch,... song do ảnh hưởng của xung đột Nga-Ukraine đồng thời với các chính sách cấm vận, trừng phạt của các nước phương Tây đối với Nga khiến kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với dự báo trước đó, lạm phát ở nhiều nước, trong đó có những nước đối tác quan trọng của Việt Nam nói chung và của tỉnh Bắc Ninh nói riêng tăng cao, giá dầu và một số hàng hóa nguyên, vật liệu quan trọng biến động mạnh.

Trong nước, nền kinh tế được mở cửa trong trạng thái bình thường mới, dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát, tạo tiền đề quan trọng để phục hồi và phát triển KTXH; các hoạt động văn hóa - xã hội dần trở lại bình thường. Tuy nhiên, giá cả một số hàng hóa đầu vào tăng, nhất là giá xăng dầu ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp và cơ sở các loại hình khác.

Trong tỉnh, để triển khai hiệu quả các Kết luận của Trung ương, Nghị quyết của Quốc hội, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển kinh tế xã hội năm 2022 và kế hoạch 5 năm 2021-2025, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND về những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, Chỉ thị số 02/CT-UBND về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2022, Chương trình hành động số 130/CTr-UBND về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; song hành là sự chỉ đạo, điều hành sát sao, quyết liệt với nhiều biện pháp sáng tạo, linh hoạt đem lại những chuyển biến mạnh mẽ. Bức tranh kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022 tiếp tục có nhiều điểm sáng, kết quả tích cực trên các lĩnh vực. Kết quả, tình hình cụ thể ở các ngành, lĩnh vực như sau:

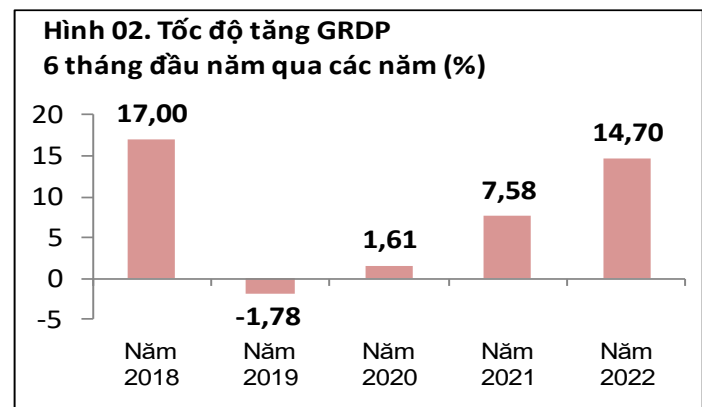
1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý II/2022 ước tính tăng (+22,14%) so với cùng kỳ năm trước, đây là tốc độ tăng cao nhất của quý II trong 5 năm gần đây; tuy nhiên, GRDP quý II so với quý I, giảm 6,8%; đây cũng là xu hướng quý



II giảm so với quý I trong 3 năm gần đây (từ 2020-2022). Trong mức tăng chung 22,14% so với cùng kỳ, khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản (-0,79%); khu vực công nghiệp và xây dựng cùng với khu vực dịch vụ cũng tăng rất cao lần lượt là (+23,62%) và (+25,46%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (+6,46%).

GRDP 6 tháng đầu năm 2022 ước tính tăng 14,7%, tăng cao nhất trong vòng 4 năm gần đây (quý I tăng 8,53%, quý II tăng 22,14%) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng cao, do trong năm 2021, đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm



trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý II/2021 nhiều địa phương trong tỉnh phải thực hiện các biện pháp cách ly phòng chống dịch Covid-19. Bước sang năm 2022, với việc các biện pháp phòng dịch theo hướng thích ứng, linh hoạt, biện pháp cách ly dần dần được nới lỏng và khôi phục hoạt động SXKD, trong đó nhiều hoạt động thương mại, dịch vụ được trở lại hoạt động. Từ khi Hiệp định đối tác kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) có hiệu lực vào ngày 01/01/2022 đã mở ra nhiều triển vọng phát triển, thúc đẩy quá trình phục hồi hậu đại dịch, nhất là lưu thông hàng hóa nhập khẩu nguyên, vật liệu, vật tư, máy móc cho sản xuất, khơi thông thị trường cho hàng hóa xuất khẩu. Bên cạnh đó việc tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ theo Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã tạo thêm nhiều động lực và “sức bật” cho nền kinh tế. Các giải pháp về miễn giảm thuế, phí, lệ phí và hỗ trợ lãi suất; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cơ cấu lại thời gian trả nợ, miễn giảm lãi

vay và giữ nguyên nhóm nợ; cho vay mới với lãi suất phù hợp... đã hỗ trợ doanh nghiệp giảm bớt khó khăn, vừa đảm bảo sử dụng tối đa nguồn lực, đồng thời phù hợp với cơ chế thị trường. Khu vực ngoài Nhà nước và FDI cũng khôi phục sản xuất kinh doanh nhờ sự “hồi sinh” từ cả phía cung, cầu, sự thích ứng của khu vực doanh nghiệp và các biện pháp hỗ trợ của Nhà nước.

Với mức tăng trưởng 14,7%, tỉnh Bắc Ninh đứng thứ 2 so với các tỉnh, thành phố trong cả nước về tốc độ tăng.

** Tăng trưởng kinh tế theo ngành:*

- *Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:* Năng suất, sản lượng lúa và rau các loại bị giảm so với cùng kỳ năm trước là nguyên nhân làm nhịp độ tăng trưởng của cả khu vực 6 tháng đầu năm 2022 giảm 1,22% so với cùng kỳ năm trước, làm giảm 0,05 điểm phần trăm đóng góp vào tốc độ tăng giá trị tăng thêm trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: ngành nông nghiệp giảm 1,93%, làm giảm 0,06 điểm phần trăm; ngành lâm nghiệp tăng 2,72%, tuy nhiên do chiếm tỷ trọng nhỏ, đóng góp 0,0003 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 2,48%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm.

- *Khu vực công nghiệp - xây dựng:* Sản xuất công nghiệp phục hồi tích cực, ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn là động lực tăng trưởng của toàn ngành. 6 tháng đầu năm 2022, giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp - xây dựng có mức tăng cao 15,4%, đóng góp 11,92 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm. Trong đó, chỉ khu vực công nghiệp tăng 17,36%, đóng góp 12,74 điểm phần trăm, riêng khu vực xây dựng bị giảm nhiều (-20,56%), làm giảm 0,82 điểm phần trăm, do tác động kép bởi dịch Covid-19 và biến động giá sắt thép, tình hình khan hiếm cát san lấp làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xây dựng. Trong bối cảnh các doanh nghiệp xây dựng gặp rất nhiều khó khăn như chi phí tăng do giá xăng dầu tăng cao, nguồn cung vật liệu xây dựng, thiết bị không ổn định, nguồn lao động phục vụ thi công xây dựng không đảm bảo về số lượng.v.v... Trong khu vực công nghiệp, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đạt mức tăng cao nhất (+17,49%), đóng góp 12,66 điểm phần trăm, do dịch Covid-19 được kiểm soát, các doanh nghiệp đã thích ứng với bối cảnh mới, khắc phục khó khăn để phục hồi và mở rộng sản xuất kinh doanh; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 4,96%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 13,12%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm.

- *Khu vực dịch vụ*: Nhìn chung khu vực dịch vụ có sự tăng trưởng vượt trội so với cùng kỳ năm trước tăng 18,14%, đóng góp 3,41 điểm phần trăm. Thị trường hàng hóa dồi dào, sức mua có xu hướng tăng. Với cách ứng phó linh hoạt, phù hợp với diễn biến dịch nên đã có mức tăng trưởng khá cao của nhiều ngành dịch vụ. Đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn vào tốc độ tăng thêm như sau: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 28,67%, đóng góp 1,21 điểm phần trăm; vận tải kho bãi tăng 26,83%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 28,3%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 13,92%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 17,96%, đóng góp 0,42 điểm phần trăm; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 32,38%, đóng góp 0,21 điểm phần trăm.

* *Cơ cấu kinh tế*: Cơ cấu của tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Cụ thể: Khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 75,71%; dịch vụ chiếm 17,76%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,87%; khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3,66% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ 6 tháng năm 2021 là: 75,36%-17,07%-3,49%-4,08%). Như vậy, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 1,19%, khu vực dịch vụ tăng 0,69%, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,62%, khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm giảm 0,42%

1.2. Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

1.2.1. Thu, chi ngân sách Nhà nước

6 tháng đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát tốt, hoạt động SXKD được hoạt động trở lại trên tất cả các lĩnh vực, phục hồi dần quy mô kinh doanh đã giúp thu - chi ngân sách được cân đối tích cực: Thu ngân sách 6 tháng ước đạt 16.532 tỷ, tuy giảm nhẹ 0,3% so với cùng kỳ năm trước nhưng bằng 54,1% kế hoạch năm. Tổng chi NS địa phương 6 tháng ước đạt 7.265 tỷ đồng, bằng 38,6% dự toán năm và giảm 16,9% so với cùng kỳ năm trước; đáp ứng chủ yếu nhu cầu chi thường xuyên thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, đảm bảo an sinh xã hội.

Thu Ngân sách Nhà nước (NSNN)

Tháng 6, tổng thu NSNN đạt 1.841 tỷ đồng giảm ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (-2,2%) và (-1%), trong đó: Thu nội địa đạt 1.196 tỷ đồng, (-2,2%) và (-5,4%); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 645

tỷ đồng (-2,2%) và (-8,1%). Trong quý II/2022, tổng thu NSNN đạt 7.030 tỷ đồng, giảm nhiều (-26%) so với quý I/2022, tuy nhiên tăng khá (+16,8%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu nội địa đạt 5.067 tỷ đồng, (-32,7%) nhưng (+20,4%); thu từ Hải quan đạt 1.963 tỷ đồng (-0,3%) nhưng (+8,4%).

Hình 03. Thu, chi ngân sách Nhà nước 6 tháng năm 2022



Nguồn: Sở Tài chính

Tính chung 6 tháng, tổng thu NSNN ước đạt 16.532 tỷ đồng, bằng 54,1% dự toán năm 2022, giảm nhẹ 0,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu nội địa đạt 12.600 tỷ đồng, bằng 54,2% và (-1,6%); thu từ Hải quan đạt 3.932 tỷ đồng, bằng 53,9% và (+4,3%). Kết quả thu nội địa đạt kế hoạch khá cao mặc dù bị giảm nhẹ song thu nội địa cũng phản ánh khá tích cực chuyển biến về kinh tế - xã hội trên cơ sở thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 theo tinh thần nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ và việc triển khai nhanh chóng, kịp thời các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng của dịch bệnh theo Nghị quyết số 11/NQ-CP. Những nguyên nhân trên đã ảnh hưởng đến số thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 và những tháng tới. Trong thu nội địa, các khoản thu trực tiếp từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, mặc dù đạt khá so với dự toán, nhưng vẫn thấp hơn cùng kỳ năm trước như khoản thu từ DNNN địa phương đạt 64,9% dự toán năm, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước. Một số khoản thu lớn có mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Thu từ DN có vốn ĐTTTNN, đạt 54,4% và (+18,2%); Thu thuế ngoài nhà nước đạt 62,7% và (+42,8%); Thu thuế thu nhập cá nhân đạt 71,3% và (+31%). Có 2 khoản thu đạt tiến độ thấp là: Thu tiền sử dụng đất, đạt 27,5% dự toán năm và giảm (-65,2%) so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo thu thuế bảo vệ môi trường, đạt 41,3% và (-16,6%).

Chi ngân sách địa phương

Tháng 6, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 1.513 tỷ đồng tăng cao ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+80,7%) và (+44,1%), trong đó: Chi đầu tư phát triển là 432 tỷ đồng, (+56,2%) và (+1,3%);

chi thường xuyên là 1.081 tỷ đồng (+92,9%) và (+74,2%). Quý II/2022, tổng chi ngân sách địa phương ước tính đạt 3.333 tỷ đồng, (-15,2%) so với quý trước, nhưng (+13,9%) so cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 1.105 tỷ đồng, (-44,6%) và (-10,5%); chi thường xuyên đạt 2.227 tỷ đồng (+15%) và (+31,7%).

Tính chung 6 tháng, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 7.265 tỷ đồng, bằng 38,6% dự toán năm 2022, giảm 16,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 3.100 tỷ đồng, bằng 47,3%, và (-40,2%); chi thường xuyên đạt 4.163 tỷ đồng bằng 39,1% và (+17,2%). Các nhiệm vụ chi ngân sách Nhà nước trong 6 tháng đầu năm được thực hiện theo dự toán, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước và đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch, các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN. Trong chi thường xuyên có một số khoản chi có mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề bằng 41% kế hoạch năm và tăng (+25,4%) so với cùng kỳ năm trước; chi khoa học công nghệ bằng 54,9% và tăng (+7,5%); chi văn hóa thông tin bằng 44% và (+64,4%); chi thể thao bằng 44% và (+47,5%); chi cho hoạt động kinh tế bằng 29% và (+67,6%); chi đảm bảo xã hội bằng 57,9% và (+49,7%).

1.2.2. Ngân hàng - Tín dụng

Dịch bệnh được kiểm soát, kinh tế phục hồi đẩy cầu vốn trở lại, tốc độ tăng trưởng tín dụng của ngành ngân hàng 6 tháng đầu năm 2022 tăng khá cao 12,2%. Đây là một tín hiệu tích cực khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế đang tốt lên. Hiệu quả chính sách hỗ trợ của ngành ngân hàng giúp doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 phục hồi và tăng trưởng nhanh.

Thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ về hỗ trợ và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành nhiều cơ chế chính sách về tiền tệ tín dụng và ngân hàng để hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh duy trì, ổn định và phục hồi tăng trưởng, vượt qua khó khăn. Trong đó, việc ban hành và thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ cho doanh nghiệp cơ cấu lại nợ giữ nguyên nhóm nợ; miễn giảm lãi suất và cho vay mới với lãi suất thấp đã mang lại hiệu quả rất thiết thực cho doanh nghiệp, làm nền tảng để phục hồi nhanh chóng ngay khi dịch bệnh được kiểm soát.

Các chi nhánh NH trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của NHNN tại các Quyết định số 1729/QĐ-NHNN, số 1730/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 (có hiệu lực từ 01/10/2020) về lãi suất huy động và lãi suất cho vay các lĩnh vực ưu tiên nhằm đẩy mạnh lưu thông vốn tín dụng, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh sau dịch bệnh, đồng thời tiếp tục triển khai các chương trình ưu đãi lãi suất theo chỉ đạo của Hội sở chính.

Ước tính đến cuối tháng 6, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 212.200 tỷ đồng, tăng nhẹ 1% so với tháng trước, đồng thời tăng khá cao 21,4% so với cùng tháng năm trước và tăng 10,5% so với thời điểm cuối năm 2021, trong đó: Tiền gửi cá nhân đạt 101.200 tỷ đồng, (+3,6%), (+9,8%) và (+4,4%); tiền gửi của các tổ chức đạt 105.800 tỷ đồng, (-0,5%), (+37,4%) và (+18,4%); nguồn vốn huy động khác đạt 3.000 tỷ đồng, (-24%), (-4,1%) và (-13,4%); phát hành giấy tờ có giá (+0,3%), (-10,7%) và (-4,5%).

Trong tháng 6, với việc các chi nhánh ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực triển khai công tác cho vay, đáp ứng nhu cầu vốn vay của doanh nghiệp, người dân, nền kinh tế tiếp tục hấp thụ tốt vốn tín dụng ngân hàng. Tính đến cuối tháng 6/2022, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn đạt 138.200 tỷ đồng, tăng 0,1% so với tháng trước, tăng 26,5% so với cùng tháng năm trước và tăng 12,2% so với thời điểm cuối năm 2021, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 94.400 tỷ đồng, (-0,1%), (+35,3%) và (+14,2%); dư nợ cho vay trung, dài hạn đạt 43.800 tỷ đồng, (+0,7%), (+10,9%) và (+8%). Cơ cấu tín dụng duy trì theo hướng tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là những lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ tích cực DN và người dân, phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh, tỷ trọng dư nợ các lĩnh vực Nông nghiệp - Công nghiệp, xây dựng - Thương mại dịch vụ tương ứng là 5,5%-33,7%-60,8%.

Về chất lượng tín dụng: Các chi nhánh NH, TCTD trên địa bàn tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của NHNN Việt Nam và của Hội sở chính trong triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý, thu hồi nợ xấu. Ước tính đến cuối tháng 6, nợ xấu trên địa bàn là 890 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,64% tổng dư nợ cho vay (giảm 0,01 điểm phần trăm so với tháng trước; giảm 1,66 điểm phần trăm so với cùng thời điểm năm trước; giảm 0,35 điểm phần trăm so với thời điểm cuối năm 2021).

1.2.3. Bảo hiểm

Bảo hiểm xã hội (BHXH) đã triển khai hiệu quả các chính sách về BHXH,

bảo hiểm thất nghiệp, góp phần tháo gỡ khó khăn cho người lao động, giúp doanh nghiệp có thêm điều kiện để phục hồi, duy trì hoạt động sản xuất, đẩy lùi dịch Covid-19, sớm ổn định kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Đáng chú ý, trong đó, số người tham gia bảo hiểm tự nguyện tiếp tục tăng nhiều (+25,9%), là một trong những điểm sáng của ngành, trong 6 tháng đầu năm 2022 BHXH trên địa bàn tỉnh cơ bản giữ ổn định.

Tính đến tháng 6/2022, ước tính số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 1.384,8 nghìn người tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước, trong tổng số: 1.371 nghìn người tham gia BHYT, tăng 2%; 415,2 nghìn người tham gia BHTN, tăng 10,2%; 426,8 nghìn người tham gia BHXH bắt buộc tăng 10,2%; 13,8 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện tăng 25,9%.

Ước tính tổng số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN trong 6 tháng đầu năm là 5.244,8 tỷ đồng, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu BHXH bắt buộc là 3.959,9 tỷ đồng tăng 6,5%; thu BHXH tự nguyện là 47,1 tỷ đồng tăng 46,9%; thu BHYT là 1.074,2 tỷ đồng tăng 1,3%; thu BHTN là 161 tỷ đồng giảm 44,7%; thu lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN là 2,6 tỷ đồng, tăng 5,1%.

Về chi bảo hiểm trong kỳ, ước tính 6 tháng đầu năm 2022 đã chi trả 4.659 tỷ đồng, (gấp 2 lần) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi quỹ BHXH là 3.928 tỷ đồng, (+99,8%); chi ngân sách là 731 tỷ đồng, (gấp hơn 2 lần).

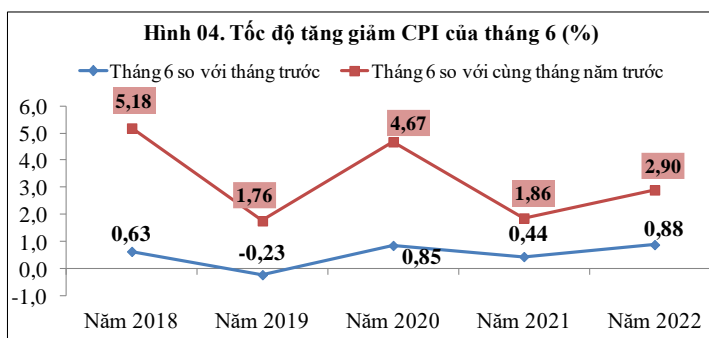
Trong 6 tháng đầu năm, ngành BHXH tiếp tục có những giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người lao động, người sử dụng lao động và cơ sở khám chữa bệnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. BHXH đã thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 116/NQ-CP, Quyết định số 28/QĐ-TTg, đồng thời kiểm tra, đôn đốc, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do đại dịch Covid-19.

1.3. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Giá xăng dầu liên tục tăng theo giá của thế giới; giá lương thực thực phẩm, hàng hóa dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên liệu đầu vào, là nguyên nhân chủ yếu làm chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2022 tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. Sức mua chưa phục hồi nhiều, những khó khăn nêu trên đang ảnh hưởng xấu đến người SXKD và người tiêu dùng; bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ, giá vàng tăng 2,58%, giá đô la Mỹ giảm nhẹ 0,45%.

a) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

So với tháng trước, trong mức tăng 0,88% của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) có 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, trong đó: nhóm giao thông tăng cao nhất với 3,02%



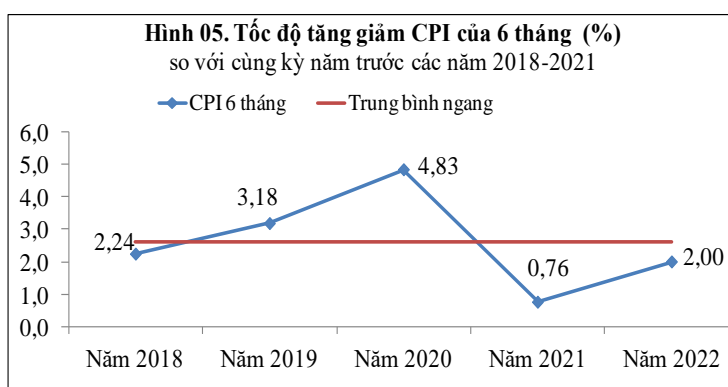
do ảnh hưởng từ 3 đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào các thời điểm 01/6; 13/6 và 21/6/2022 làm giá nhiên liệu tăng 7,99% (trong đó xăng tăng 8,27%; dầu diezen tăng 8,49%); nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,42% chủ yếu do nhu cầu du lịch dịp nghỉ hè tăng cao làm cho du lịch trong nước tăng 2,86%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,22% chủ yếu do giá thịt lợn, mỡ động vật, thịt gia cầm tăng (tăng lần lượt là 2,21%; 4,42% và 1,36%), ngoài ra còn do dịch vụ ăn uống ngoài gia đình vào dịp hè cũng tăng đáng kể (+2,17%) cũng góp phần làm cho chỉ số giá nhóm hàng này tăng so với tháng trước; nhóm thiết bị, đồ dùng gia đình tăng 0,72% chủ yếu do nhu cầu về máy điều hòa và máy xay sinh tố vào những ngày hè nắng nóng; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,57% do nhu cầu về mũ nón (+1,71%), quần áo (+0,54%) phục vụ mục đích du lịch của người dân tăng; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 0,45% chủ yếu là do tháng 6 có nhiều đợt nắng nóng kéo dài nên nhu cầu sử dụng điện tăng cao (+5,13%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,19% do giá nhóm thuốc hút tăng 0,76%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,16% do nhu cầu về các mặt hàng thuốc chống viêm nhiễm, giảm đau, hạ sốt tăng; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác và nhóm giáo dục tăng nhẹ lần lượt tăng là 0,07% và 0,01%. Chỉ có một nhóm hàng có chỉ số giảm là nhóm bưu chính viễn thông (-0,31%) do nhu cầu về điện thoại của người dân giảm.

So với cùng tháng năm trước, CPI tăng 2,9%; trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10/11 nhóm hàng hóa dịch vụ có chỉ số tăng, tăng nhiều nhất là các nhóm hàng giao thông (+18,27%); văn hóa, giải trí và du lịch (+6,26%); giáo dục (+3,83%); nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+3,48%); Còn lại 01 nhóm hàng hóa dịch vụ có chỉ số giảm là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-1,88%).

So với tháng 12/2021, CPI tháng Sáu tăng 3,94%, trong đó có 10/11 nhóm hàng tăng giá, tăng mạnh nhất là các nhóm giao thông (+12,3%); giáo dục (+7,72%); văn hóa, giải trí và du lịch (+6,23%). Có 01 nhóm hàng giảm giá là bưu chính viễn thông (-0,06%).

Bình quân quý II/2022, CPI tăng 2,51% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 10/11 nhóm hàng tăng giá, tăng mạnh nhất vẫn là các nhóm giao thông (+12,3%); nhà ở và vật liệu xây dựng (+4,67%); văn hóa, giải trí và du lịch (+4,17%). Ở chiều ngược lại, chỉ có 01 nhóm hàng giảm giá là hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-2,28%).

Bình quân 6 tháng đầu năm 2022, CPI tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể, có 10/11 nhóm hàng hóa dịch vụ có chỉ số tăng, trong đó, tăng cao nhất là nhóm giao thông (+15,11%). Riêng



nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống có chỉ số giảm (-4,18%). Tuy nhiên, mức tăng này hiện thấp hơn mức tăng chung trong 5 năm qua. Việc duy trì mức tăng rất thấp trong nhiều tháng qua cũng tiềm ẩn nhiều thách thức bởi CPI tăng thấp phần nào lo ngại tình trạng “sức khỏe yếu kém” của nền kinh tế, với bằng chứng rõ ràng là sức cầu thị trường tiếp tục suy yếu làm ảnh hưởng đến sự phục hồi của các doanh nghiệp và người sản xuất nhỏ.

b) Chỉ số giá vàng và đôla Mỹ

Giá vàng đang loay hoay tìm động lực tăng giá. Tính chung, bình quân giá vàng bán ra trong tháng ở mức 5.402.000 đ/chỉ; chỉ số giá vàng tháng 6 giảm 1,5% so với tháng trước; nhưng tăng 4,22% so với tháng 12 năm 2021 và tăng 5,32% so với cùng tháng năm trước. Tính chung quý II/2022 so với cùng kỳ, giá vàng tăng 6,12%; bình quân 6 tháng năm 2022, giá vàng tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước.

Trên thế giới, đồng Euro và đồng bảng Anh đồng loạt sụt giảm. Các nhà đầu tư dần chuyển sang đồng đô la Mỹ để trú ẩn an toàn như một phần của động thái tránh xa các tài sản rủi ro hơn. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị

trường tự do quanh mức 23.300 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2022 tăng 0,8% so với tháng trước; tăng 1,6% so với tháng 12 năm trước và tăng 1% so với cùng tháng năm trước; bình quân quý II năm 2022, chỉ số giá đô la Mỹ trong nước tăng 0,13%, tuy nhiên, bình quân 6 tháng năm 2022, giá đô la Mỹ vẫn giảm 0,45% so với cùng kỳ năm trước.

1.4. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn, hoạt động thu hút đầu tư trong nước và trực tiếp nước ngoài

Trong 6 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh mới đạt 39% kế hoạch năm 2022, cho thấy vốn đầu tư thực hiện vẫn trì trệ, đồng thời giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý mới đạt 34,8% kế hoạch, như vậy chi ngân sách cho đầu tư đang rất khó khăn do khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế rất thấp, việc không hấp thụ được vốn thì sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu, kế hoạch của Chương trình phục hồi; Do tác động của đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng, vốn đầu tư thực hiện của các dự án FDI 6 tháng đầu năm 2022 tuy giảm về số dự án và vốn đăng ký cấp mới, song nhiều doanh nghiệp FDI đang dần phục hồi và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh và mở rộng dự án. Điểm nhấn là trong 6 tháng đầu năm 2022 vốn đầu tư điều chỉnh tăng (gấp 28 lần) so với cùng kỳ năm trước.

1.4.1. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

1.4.1.1. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh (VĐT thực hiện):

Quý II/2022, VĐT thực hiện theo giá hiện hành ước đạt 14.802 tỷ đồng, (+18,4%) so với quý trước và tăng nhẹ (+0,7%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vốn Nhà nước (+25,2%) và (+11%); vốn ngoài Nhà nước (+21,7%) nhưng (-15,2%); khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn nhất (+14,4%) và (+13,9%) đã kéo tổng VĐT thực hiện tăng lên.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, VĐT thực hiện theo giá hiện hành ước đạt 27.303 tỷ đồng, giảm nhẹ (-1,6%) so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 3.563 tỷ đồng (-3,5%); khu vực ngoài Nhà nước đạt 9.999 tỷ đồng (-13,1%); khu vực có vốn FDI đạt 13.740 tỷ đồng (+9,6%). Về cơ cấu vốn đầu tư thực hiện, khu vực Nhà nước và khu vực ngoài Nhà nước giảm xuống so với năm 2021, riêng khu vực FDI tăng trở lại.

Biểu 01. Tốc độ tăng và cơ cấu Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước qua các năm 2018-2022 theo giá hiện hành

ĐVT: %

	Tổng số	Chia ra:		
		Khu vực Nhà nước	Khu vực ngoài Nhà nước	Khu vực có vốn FDI
Tốc độ tăng				
Năm 2018	-29,5	13,2	11,8	-45,4
Năm 2019	-9,7	44,5	9,4	-23,6
Năm 2020	3,9	28,5	-13,7	13,8
Năm 2021	-20,5	9,0	-7,8	-33,9
Năm 2022	-1,6	-3,5	-13,1	9,6
Cơ cấu				
Năm 2018	100	6,6	37,5	55,9
Năm 2019	100	6,8	38,2	55,0
Năm 2020	100	8,7	32,2	59,1
Năm 2021	100	13,8	40,4	45,8
Năm 2022	100	13,1	36,6	50,3

1.4.1.2 Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN do địa phương quản lý

Tháng 6, ước tính vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN đạt 507 tỷ đồng, tăng ở cả 2 góc so sánh, tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+8,6%) và (+26,2%), nguyên nhân do vốn NSNN cấp huyện và cấp xã tăng cao, cụ thể: Vốn NSNN cấp huyện ở 2 góc so sánh (+8,6%) và (+44,1%); vốn NSNN cấp xã giảm nhẹ (-3,2%) nhưng tăng cao (+87,3%).

Trong quý II/2022, VĐT thực hiện nguồn NSNN ước tính đạt 1.387 tỷ đồng, tăng ở cả 2 góc so sánh quý trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+23,8%) và (+18,9%). Nguyên nhân, do trong quý II đã tăng cường đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn NSNN cấp huyện và cấp xã, trong đó cấp xã vốn đầu tư tăng mạnh nhất (+28,1%) và (+75,5%).

Lũy kế 6 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN đạt 2.507 tỷ đồng, tăng khá (+18,9%) so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của NSNN do địa phương quản lý vẫn đạt tỷ lệ thấp 34,8% kế hoạch vốn năm 2022.

- Xét theo cấp quản lý:

+ Vốn NSNN cấp tỉnh, ước đạt 1.096 tỷ đồng, (+5,4%) so với cùng kỳ năm trước và đạt 42,1% kế hoạch năm, các công trình trọng điểm của nguồn vốn ngân sách tỉnh như: Cầu Phật Tích-Đại Đồng Thành, TL278 (QL18-QL38); trường THCS Hàn Thuyên huyện Lương Tài; Dự án đầu tư mở rộng

Bệnh viện Sản nhi tỉnh Bắc Ninh... và các công trình đề điều phòng chống bão lụt, các trạm bơm phục vụ tưới tiêu như: Nạo vét kênh tiêu Hiền Lương, xây dựng tuyến kênh mới từ cống Nội Lạc Nhuế bể hút trạm bơm Vạn An...

+ Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện, ước đạt 876 tỷ đồng, tăng cao (+23,5%) và đạt 31,1%, các công trình trọng điểm của vốn ngân sách cấp huyện như: Đường trục chính huyện Quế Võ, Dự án đầu tư xây dựng khu đền thờ Nguyễn Cao, Trường THCS Thị trấn Phố Mới huyện Quế Võ, ...

+ Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã, ước đạt 535 tỷ đồng, tăng rất cao (+49,5%) và đạt 30,1%, các công trình trọng điểm của vốn ngân sách cấp xã như: Đường giao thông xã Phượng Mao; cải tạo đường giao thông khu phố Yên Lã; đường giao thông khu phố Kim Thiều, đường giao thông Hương Mạc, thành phố Từ Sơn; đường trục xã đi thôn Mộ Đạo, huyện Quế Võ...

- Xét theo địa bàn huyện, thành phố: Trong 6 tháng đầu năm, thành phố Bắc Ninh và Từ Sơn, huyện Thuận thành và Gia Bình đạt được mức tăng so với cùng kỳ năm trước khá cao. Tuy nhiên vẫn có một số địa phương có mức đầu tư bị giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước như: huyện Yên Phong, Quế Võ, Tiên Du và Lương Tài. Những huyện này chủ yếu tập trung vốn đầu tư thực hiện vào những công trình chuyển tiếp từ năm trước chuyển sang nên thực hiện đầu tư nhìn chung đạt thấp.

**Biểu 02. Vốn đầu tư từ nguồn NSNN do địa phương quản lý
6 tháng đầu năm 2022 của các huyện, thành phố**

	6 tháng năm 2022 (Tỷ đồng)	So với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	2.507	101,9
Thành phố Bắc Ninh	670	129,5
Thành phố Từ Sơn	330	111,4
Huyện Yên Phong	151	62,0
Huyện Quế Võ	345	76,0
Huyện Tiên Du	311	86,9
Huyện Thuận Thành	387	188,0
Huyện Gia Bình	172	121,8
Huyện Lương Tài	141	57,9

1.4.2. Hoạt động thu hút đầu tư trong nước và trực tiếp nước ngoài

1.4.2.1. Thu hút đầu tư trong nước

Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký đầu tư cho 32 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 13.120 tỷ đồng; cấp đăng ký đầu tư điều

chỉnh cho 52 dự án đầu tư, trong đó có 19 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng 684 tỷ đồng. *Riêng trong tháng 6*, cấp đăng ký điều chỉnh cho 01 dự án với tổng vốn đầu tư là 28 tỷ đồng; cấp điều chỉnh cho 08 dự án đầu tư trong đó có 06 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh giảm 72 tỷ đồng.

Lũy kế đến đến nay: Đã cấp 1.527 dự án đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư sau điều chỉnh đạt 249.289 tỷ đồng (trong đó: cấp Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư cho 35 dự án với tổng mức đầu tư 16.522 tỷ đồng; cấp đầu tư cho 21 dự án hạ tầng KCN nguồn vốn trong nước là 35.875 tỷ đồng).

4.2.1.2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Biểu 03. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép

	Từ 01/01 đến 20/6/2022 (Triệu USD)	So với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	1.587	617,5
Vốn đăng ký mới	119	30,0
Vốn điều chỉnh tăng	1.483	2.798,1
Góp vốn, mua cổ phần	32	213,3
Thu hồi	47	22,6

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã thu hút được về số lượng là 50 dự án FDI đăng ký cấp mới (giảm 13 dự án) so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký mới đạt 119 triệu USD (giảm 278 triệu USD). Vốn đầu tư tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 58%; ngoài ra, điều chỉnh vốn cho 61 dự án (tăng 21 dự án), với số vốn điều chỉnh tăng 1.483 triệu USD, (tăng 1.430 triệu USD); góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 19 lượt (giảm 12 lượt) với giá trị là 32 triệu USD (tăng 17 triệu USD); thu hồi 25 dự án (tăng 5 dự án) với tổng vốn đầu tư là 47 triệu USD (giảm 161 triệu USD). *Riêng trong tháng 6*, cấp mới đăng ký đầu tư cho 08 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 5 triệu USD; điều chỉnh vốn cho 11 dự án với số vốn điều chỉnh giảm 22,8 triệu USD; 04 lượt ra thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế với giá trị là 0,64 triệu USD; Thu hồi 08 dự án với tổng vốn 5,9 triệu USD.

Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 1.742 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký sau điều chỉnh và góp vốn mua, mua cổ phần, phần vốn góp đạt 22.829 triệu USD.

1.5. Tình hình hoạt động và xu hướng SXKD của doanh nghiệp

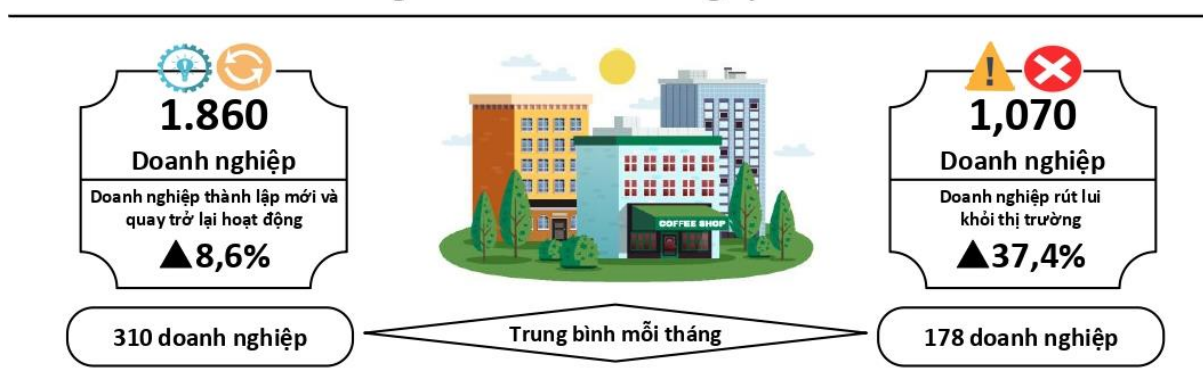
1.5.1 Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tình hình chính trị trên thế giới vẫn nhiều bất ổn, các nước phương Tây vẫn tiếp tục đưa ra các lệnh trừng phạt đối với nền kinh tế Moscow (Liên bang Nga) do việc tiến hành chiến dịch tấn công quân sự quy mô lớn vào Ukraine; tình hình kinh tế trong nước và trong tỉnh cũng chịu ảnh hưởng từ chiến sự trên, khiến cho giá xăng dầu, hàng hóa ngày càng leo thang. Đây là những yếu tố tác động làm ảnh hưởng đến tình hình đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2022.

Tháng 6/2022, toàn tỉnh có 198 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký bổ sung là 1.446 tỷ đồng; so với tháng trước, (-12,4%) về số doanh nghiệp nhưng (+4,1%) tổng vốn đăng ký bổ sung; so với cùng tháng năm trước, (+72,7%) về số doanh nghiệp nhưng (-4,7%) về số vốn đăng ký. Vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp thành lập mới đạt 7,3 tỷ đồng, so với các góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+18,8%) và (-44,6%); 47 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (+9,3%) và (+17,5%); 117 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, (-33,9%) và (+95%); 35 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, (+29,6%) và (gấp 5,8 lần).

Hình 06. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

6 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước



Tính chung 6 tháng, toàn tỉnh có 1.306 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 10.483 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước, (+2,9%) về số doanh nghiệp nhưng (-18%) về tổng vốn đăng ký bổ sung. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 8 tỷ đồng (-20,3%) so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 554 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (+25,1%). Số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường tăng so với cùng kỳ năm trước và cao hơn gấp 1,74 lần so với số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là tín hiệu tốt, điều đó cho thấy xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh có tín hiệu tốt. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường vẫn tăng khá cao, cụ thể: Có 917 doanh

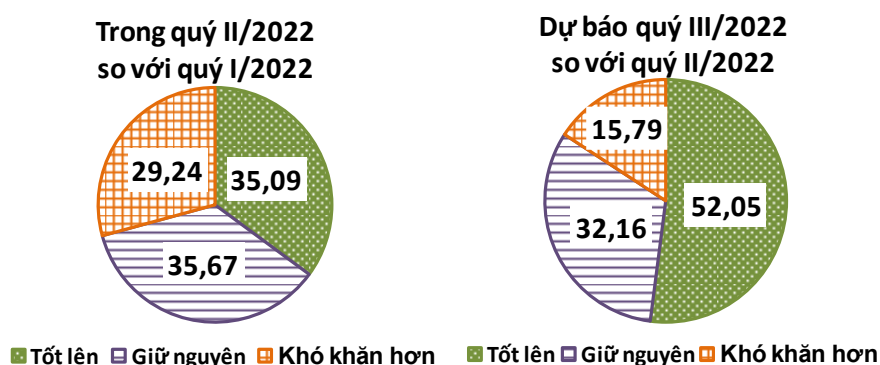
nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động (+36,9%); 153 doanh nghiệp giải thể tự nguyện (+40,4%). Ngoài ra, có 152 doanh nghiệp chuyển đổi loại hình (+7,8%).

Lũy kế đến 18/6/2022, trên địa bàn tỉnh có 21.425 DN đã đăng ký, tăng 12,1% so với cùng thời điểm năm trước, với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 343.705 tỷ đồng, tăng 8,9% và 4.515 đơn vị trực thuộc, tăng 14,9%.

1.5.2. Tỷ lệ doanh nghiệp dự báo xu hướng về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp ngành chế biến, chế tạo.

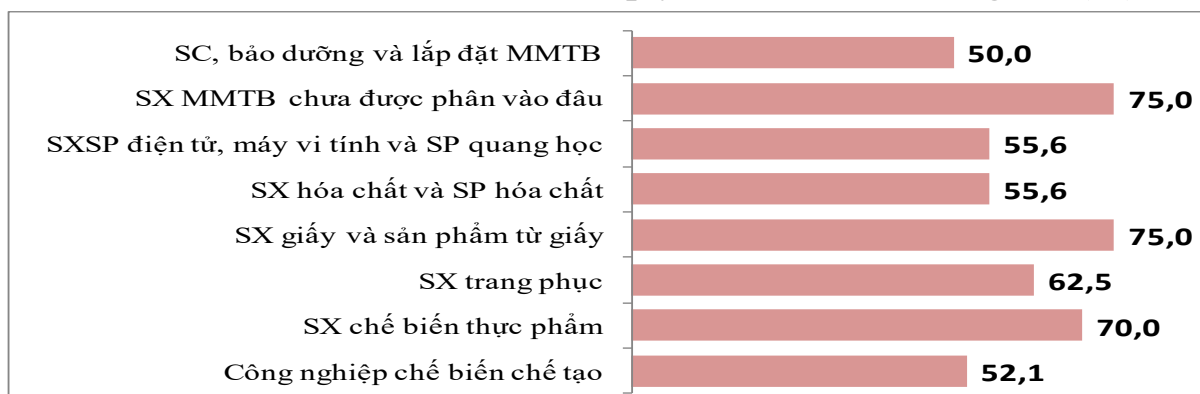
Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý II/2022 cho thấy xu hướng kinh doanh tốt lên tăng cao hơn quý I/2022 (quý II: 35,09%; quý I: 25,3%); giữ nguyên (quý II: 35,67%; quý I: 36,14%); khó khăn hơn (Quý II: 29,24%; quý I: 38,55%).

Hình 07. Tỷ lệ doanh nghiệp dự báo xu hướng về tình hình SXKD của DN công nghiệp chế biến chế tạo quý II và quý III năm 2022 (%)



Dự kiến quý III/2022, có 52,05% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên so với quý II/2022; có 32,16% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định; số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn giảm xuống còn 15,79%, trong đó: Khu vực doanh nghiệp Nhà nước lạc quan nhất với 57,14% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý III/2022 tốt hơn; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 55%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thấp nhất là 48,8%.

Hình 06. Một số ngành có tỷ lệ dự báo xu hướng về tình hình sản xuất kinh doanh quý III/2022 tốt lên tăng cao (%)



1.6. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Do ảnh hưởng của thời tiết và diện tích gieo trồng giảm nên sản lượng cây hàng năm vụ đông xuân bị giảm so với cùng kỳ năm trước; ngoài ra, giá vật tư đầu vào cho sản xuất tăng cao, nhất là phân bón dẫn đến tăng giá thành sản xuất và giảm lợi nhuận. Chăn nuôi trâu, bò tiếp tục xu hướng giảm, do diện tích bãi chăn thả ngày càng thu hẹp; chăn nuôi lợn và gia cầm giữ ổn định; dịch bệnh trên gia súc gia cầm được kiểm soát tốt; hoạt động lâm nghiệp tập trung công tác chăm sóc bảo vệ rừng; thủy sản vẫn giữ ổn định.

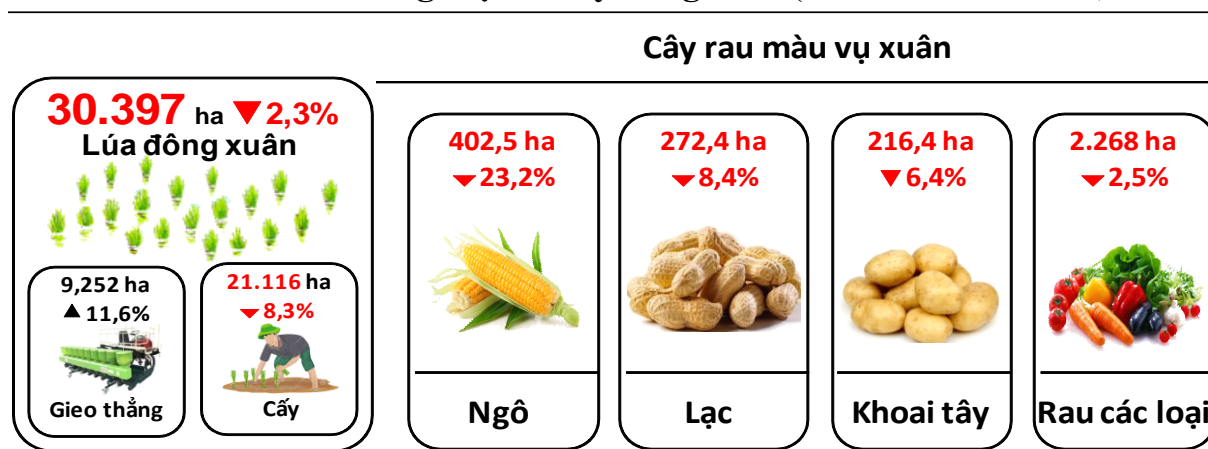
1.6.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

Trong tháng 6, sản xuất nông nghiệp đang tiến hành thu hoạch lúa xuân và tập trung chăm sóc hoa màu vụ hè. Đến ngày 14/6/2022 thu hoạch được 1.668 ha lúa, đạt 5,5% diện tích gieo cấy. Diện tích lúa đông xuân năm nay giảm 2,3% so với vụ đông xuân năm trước. Bên cạnh việc chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp phục vụ quá trình đô thị hóa, còn có nguyên nhân làm giảm diện tích lúa đông xuân là do chuyển đổi cơ cấu sản xuất, chuyển đổi mô hình trang trại, gia trại trồng cây hàng năm, cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản hoặc tại một số địa phương tập trung nhiều khu công nghiệp nông dân có xu hướng bỏ ruộng để chuyển đổi sang hoạt động các ngành kinh tế khác mang lại thu nhập cao hơn. Để chuẩn bị cho sản xuất vụ lúa mùa tính đến ngày 15/6/2022, toàn tỉnh đã đăng ký được 249.000 kg thóc giống các loại; đã cung ứng được 11.000 kg; các địa phương đã gieo trồng được 79,5 ha rau màu các loại.

Tình hình gieo trồng cây rau màu các loại đều bị giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

Hình 09: Gieo trồng một số cây hàng năm (Tính đến 15/6/2022)



Ước tính kết quả sản xuất vụ đông xuân 2021-2022: Vụ đông xuân năm nay có những thuận lợi đó là, tiếp tục nhận được sự quan tâm của tỉnh về chính

sách hỗ trợ cây trồng có giá trị kinh tế cao; nhiều địa phương cũng có chính sách hỗ trợ bổ sung đã khuyến khích nông dân sản xuất. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của thời tiết cũng như diện tích gieo trồng giảm do đó, sản lượng bị giảm so với vụ đông xuân năm trước. Vụ đông xuân năm 2021-2022, toàn tỉnh trồng được 40.120,6 ha cây hàng năm, giảm 3% (-1.228 ha) so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung tất cả các địa phương trong tỉnh đều giảm, các địa phương có diện tích giảm nhiều như: Gia Bình giảm 414,9 ha; Thuận Thành giảm 287,1 ha; Quế Võ giảm 174,3 ha... Nguyên nhân là do diện tích đất bị thu hồi chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác nông nghiệp sang làm khu công nghiệp, đất ở, một số diện tích đất vùng trũng, đất xấu, ô nhiễm bị bỏ hoang không gieo trồng. Trong cây hàng năm, *cây lúa* gieo trồng được 30.397,4 ha, giảm 2,3% (-720 ha) so cùng kỳ năm trước. Các địa phương có diện tích lúa giảm nhiều là huyện Gia Bình giảm 290,8 ha, huyện Thuận Thành giảm 176,9 ha, thành phố Bắc Ninh giảm 87,0 ha, huyện Yên Phong giảm 45,8 ha, huyện Tiên Du giảm 52 ha, ... Diện tích lúa năm nay giảm là do một số địa phương chuyển đổi mục đích sử dụng đất, một số diện tích bị ô nhiễm nước thải sinh hoạt không canh tác được,... Năng suất bình quân chung ước đạt 66,9 tạ/ha tăng 0,9% (+0,5 tạ/ha), sản lượng thóc ước đạt 203,4 nghìn tấn, giảm 1,5% so cùng kỳ năm trước; *cây ngô*, diện tích gieo trồng ước đạt 757,9 ha, giảm 10% (-84,1 ha) so với cùng kỳ năm trước, năng suất ước 54,3 tạ/ha tăng 2,2% (+1,2 tạ/ha), sản lượng ước đạt 4.118,1 tấn, giảm 8% (-356,8 tấn); *cây có hạt chứa dầu*, ước trồng được 360 ha, giảm 8,8% (-34,8 ha); *cây rau, đậu các loại và hoa*, diện tích gieo trồng đạt 6.176,6 ha, giảm 1,2% (-76,5 ha); *cây hàng năm khác*, trồng được 275,6 ha, giảm 27,1% (-102,3 ha).

b) Chăn nuôi và hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh động vật

Hoạt động chăn nuôi:

Tình hình chăn nuôi phát triển ổn định, dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát tốt trong thời gian qua, khiến tình hình sản xuất tại các doanh nghiệp, trang trại khởi sắc, đặc biệt là các đơn vị chủ động được nguồn con giống, liên kết tiêu thụ sản phẩm đầu ra, đảm bảo vệ sinh, an toàn sinh học. Tuy nhiên giá thức ăn chăn nuôi vẫn ở mức cao là một trở ngại lớn đối với ngành chăn nuôi. Trong 6 tháng đầu năm, các công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi đã có nhiều đợt điều chỉnh giá. Giá thức ăn chăn nuôi tăng khiến chi phí sản xuất cũng tăng cao, trong khi giá bán sản phẩm không thay đổi nhiều, điều này đặc biệt gây áp lực cho các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh.

Tính đến 15/6, chăn nuôi trâu, bò do bãi chăn thả ngày càng bị thu hẹp số lượng giảm nhẹ; chăn nuôi lợn và gia gia cầm phát triển tương đối ổn định; dịch bệnh trong chăn nuôi cơ bản được kiểm soát.

Biểu 05. Số liệu đầu con vật nuôi, gia súc gia cầm

	Đơn vị tính	Thời điểm 01/7/2022	So với cùng thời điểm năm trước (%)
Đàn Trâu	Con	2.910	101,9
Đàn Bò	”	25.200	94,6
Đàn lợn	”	293.483	97,8
Gia cầm	Nghìn con	5.893	105,0
Trong đó: gà	”	4.731	107,5

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng ước đạt 43.334 tấn, (+1,6%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 30.110 tấn, giảm nhẹ (-0,2%); thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 12.167 tấn (+7%).

Hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh bệnh động vật:

Từ ngày 01/01-10/6/2022, trên địa bàn tỉnh, bệnh DTLCP đã xảy ra tại 12 hộ thuộc địa bàn 09 thôn, khu; 09 xã, phường của 05 huyện, thành phố: Quế Võ, Yên Phong, Tiên Du, Bắc Ninh và Từ Sơn làm 235 con lợn (06 lợn nái, 229 lợn thịt) mắc bệnh, chết, buộc tiêu hủy với tổng trọng lượng 8.319 kg. Các hộ có dịch đã thực hiện tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi và khu vực xung quanh theo quy định. Công tác quản lý, giám sát vận chuyển, buôn bán, giết mổ lợn và sản phẩm từ lợn ra vào vùng có dịch được kiểm soát chặt chẽ nhằm hạn chế nguy cơ dịch bệnh tiếp tục phát sinh, lây lan. Đồng thời điều tra, rà soát, thống kê tổng đàn lợn hiện có trên địa bàn các thôn, xã có dịch và các khu vực lân cận để có biện pháp quản lý.

Ngành thú y, tổ chức tiêm phòng bổ sung và tiêm phòng đại trà vụ Xuân - Hè năm 2022 cho đàn gia súc, gia cầm với kết quả như sau: Đàn trâu, bò tiêm được 33.668 liều vắc xin các loại; Đàn lợn tiêm được 516.036 liều vắc xin các loại; đàn gia cầm tiêm được 10.938.182 liều vắc xin các loại; đàn chó mèo tiêm được 120.747 liều vắc xin đại và đàn dê tiêm được 2998 liều vắc xin LMLM.

Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển được 427.500 con cá giống, 31.752 con lợn, 7.676.460 con gà giống, 4.000 con vịt giống, 195.430 con gà thịt, 5.250.240 kg sản phẩm thịt, 698.566 quả trứng gia cầm giống và 248.708 kg lông vũ và 4.000 kg phủ tạng. Kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ lợn tập trung được 352 con lợn.

1.6.2. Lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp 6 tháng đầu năm diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi cho cây rừng sinh trưởng phát triển tốt. Ngành lâm nghiệp đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương có rừng thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng và

phòng cháy chữa cháy rừng, công tác chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng đã trồng. Đồng thời, duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong nhân dân, thực hiện tốt quy ước bảo vệ rừng tại các thôn có rừng trên địa bàn toàn tỉnh. Ước 6 tháng đầu năm toàn tỉnh đã trồng được 188 nghìn cây phân tán các loại, đạt 66,5% so với kế hoạch năm, tăng 44,3% so với cùng kỳ năm trước; toàn tỉnh khai thác được 1.840 m³ gỗ, giảm 2,6% so với cùng kỳ; sản lượng củi khai thác được 1.977 ste, tăng 3,5%; diện tích rừng trồng được chăm sóc 83,4 ha, giảm 30,4%; diện tích rừng giao khoán bảo vệ 418,1 ha, tăng 8,5%.

Cháy rừng và thiệt hại rừng: Tổng diện tích cháy 0,65 ha rừng Thông - Keo tại huyện Quế Võ, không có thiệt hại về cây rừng trồng (cùng kỳ năm trước: xảy ra 11 vụ cháy, diện tích rừng bị cháy là 5,75 ha rừng); thực hiện tốt các quy định về bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng, đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật xâm hại tới rừng, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép. Từ đầu năm đến nay đã bắt giữ và xử lý 04 vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp đối với 02 cá nhân, 02 tổ chức; phối hợp với các đơn vị chức năng bàn giao 01 cá thể culi lớn cho Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Sóc Sơn, Hà Nội.

1.6.3. Thủy sản

Trong 6 tháng đầu năm, công tác chuẩn bị ao nuôi, lồng nuôi, con giống đẻ chuẩn bị nuôi thả cá vụ mới được tiến hành kịp thời; điều kiện thời tiết 6 tháng đầu năm tương đối thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của các đối tượng cá nuôi, không phát sinh dịch bệnh thủy sản; các loại cá có lượng tiêu thụ ổn định và giá bán có xu hướng tăng nên mặc dù giá thức ăn công nghiệp và vật tư đầu vào duy trì ở mức cao song người nuôi trồng thủy sản vẫn yên tâm đầu tư sản xuất, sản lượng thủy sản tiếp tục tăng, cụ thể:

Tính đến giữa tháng 6, diện tích nuôi trồng thủy sản có 4.839,6 ha, giảm 0,3% so với thời điểm năm trước; số lượng lồng nuôi trên sông ước đạt 2.409 lồng, tăng 6,26% so với cùng kỳ năm trước (tăng 142 lồng). Sản lượng thủy sản lũy kế đến hết tháng 6, ước đạt 19.545 tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng nuôi trồng là 18.924 tấn, tăng 1,8%; sản lượng thủy sản khai thác là 620,5 tấn, tăng 13,7%.

Ngoài ra, ngành nông nghiệp đã tổ chức thả cá giống bổ sung nguồn lợi thủy sản năm 2022 trên địa bàn tỉnh tại Lăng Kinh Dương Vương (Thôn Á Lữ - xã Đại Đồng Thành - huyện Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh) với tổng số cá thả là 33.000 con các loại bao gồm: (cá chép 7.000 con; cá trắm cỏ 10.000 con và cá trôi 8.000 con; cá chày mắt đỏ: 8.000 con).

1.7. Sản xuất công nghiệp

Mức tăng trưởng sản xuất công nghiệp chính là điểm sáng nổi bật trong bức tranh kinh tế tỉnh Bắc Ninh 6 tháng đầu năm 2022. Các FTA thế hệ mới với những cam kết toàn diện như Hiệp định đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định đối tác toàn diện khu vực (RCEP). Các Hiệp định này một mặt mở rộng thị trường, đem lại hiệu quả cho hàng hóa xuất khẩu thúc đẩy thúc đẩy sản xuất công nghiệp phát triển. Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2022 tiếp tục đạt mức tăng tích cực (+19,75%).

1.7.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

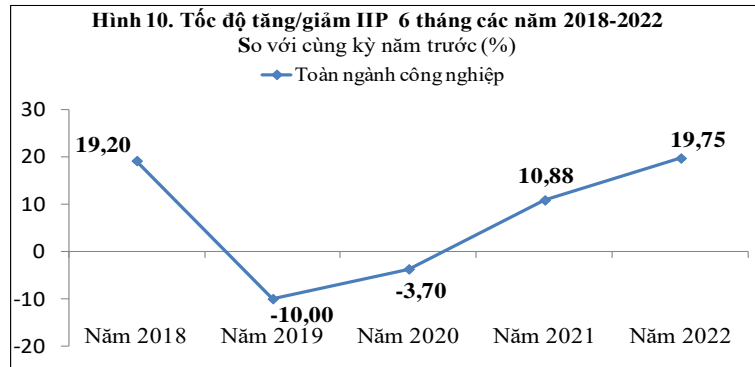
Sau khoảng thời gian gặp nhiều khó khăn do tác động từ đại dịch Covid-19, sản xuất công nghiệp nhanh chóng thích ứng trạng thái bình thường mới để hồi phục mạnh mẽ. Trong những tháng đầu năm mặc dù phát triển công nghiệp diễn ra trong bối cảnh thuận lợi và thách thức đan xen. Song với đà phục hồi từ cuối năm 2021, các chuỗi sản xuất được duy trì và mở ra nhiều triển vọng cho hoạt động sản xuất công nghiệp. Theo đó, sản xuất công nghiệp của tỉnh được khôi phục ở hầu hết các ngành, nhu cầu và sản lượng sản xuất đều tăng, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đã hoạt động trở lại, nối lại các chuỗi cung ứng cơ bản thông suốt. Nguyên nhân chính là nhờ tiến độ tiêm chủng nhanh chóng, sự phục hồi kinh tế toàn cầu và một số động lực như: việc ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho sự phục hồi và phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư; cải cách thủ tục hành chính, quá trình chuyển đổi số hiện nay... đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Ninh trong 6 tháng đầu năm 2022.

Tháng 6/2022, ước tính IIP so với tháng trước mặc dù bị (-8,25%) nhưng lại tăng rất cao (+25,42%) so với cùng tháng năm trước. Nguyên nhân tăng cao so với cùng tháng năm trước do ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học, ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất tăng mạnh so với tháng cùng kỳ (+25,9%). Cụ thể, diễn biến ở một số ngành như sau: Ngành công nghiệp chế biến chế tạo so với các gốc so sánh với tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-9,36%) nhưng (+25,57%); sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng (+10,29%) và (+7,45%); ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+0,61%) và (+13,26%).

Quý II/2022, IIP tăng rất cao (gấp hơn 2 lần) quý I/2022, đạt mức tăng rất cao (+29,3%) với cùng kỳ năm trước (quý II/2021 tăng 19,2%), trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo (+29,5%); ngành SX và PP điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, và điều hòa không khí (+5,2%); ngành Cung cấp nước,

hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+21,4%). Trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo, ngành chủ lực của tỉnh là SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng rất cao (+33%).

Tính chung 6 tháng, với các giải pháp đồng bộ hỗ trợ khôi phục sản xuất kinh doanh nên công nghiệp 6 tháng đầu năm đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ IIP tăng 19,75% so với cùng kỳ năm



trước. Một điểm nhấn đáng chú ý đây cũng là mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm gần đây (2018-2022). Nhìn chung sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2022 được khôi phục về sản lượng sản xuất ở nhiều ngành, đặc biệt là ngành chủ lực SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học tăng cao (+22,23%) do số lượng đơn đặt hàng mới tăng và điều kiện kinh doanh ổn định đã góp phần làm tăng sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, ở một số ngành sản xuất do nguyên vật liệu khan hiếm, giá trị tăng cao đã kìm hãm sự gia tăng sản lượng sản xuất, mặt khác ở một số ngành lao động chưa hoàn toàn trở lại làm việc cũng làm tác động đến hoạt động khôi phục sản xuất kinh doanh.

Biểu 06. Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 6 tháng các năm 2018-2022 so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp trọng điểm

	ĐVT: %				
	2018	2019	2020	2021	2022
Sản xuất trang phục	-17,04	24,89	-32,90	33,93	46,39
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	18,57	5,84	-1,12	12,85	11,32
Sản xuất kim loại	6,16	0,12	-17,27	6,71	-6,90
SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học	21,67	-13,26	-1,90	11,11	22,23
Sản xuất thiết bị điện	9,00	23,72	-29,06	11,38	-9,88
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	-11,91	-13,89	-46,80	8,68	-27,03

2.2. Sản phẩm công nghiệp

Sản xuất công nghiệp có nhiều khởi sắc, cho thấy hiệu quả của Nghị quyết 128/NQ-CP chuyển trạng thái “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch Covid-19” của Chính phủ và Nghị quyết 11/NQ-CP về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất công nghiệp đạt mức tăng khả quan. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay với hàng loạt các Hiệp định thương mại tự do được ký

kết rất cần các giải pháp hỗ trợ từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp. Về sản phẩm công nghiệp cụ thể như sau:

Tháng 6, đa số các sản phẩm công nghiệp chủ yếu đạt sản lượng tăng so với tháng trước và cùng tháng năm trước. Cụ thể, so với tháng trước chỉ có 2/7 sản phẩm chủ lực của tỉnh đạt mức tăng, nhưng so với cùng tháng năm trước 100% sản phẩm chủ lực của tỉnh đạt mức tăng, đáng chú ý là 4 sản phẩm đạt mức tăng rất cao. Các sản phẩm như điện thoại, đồng hồ thông minh, máy tính và linh kiện điện tử ngày càng đa dạng hóa sản phẩm theo nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Tốc độ tăng của nhóm này là động lực chính của ngành công nghiệp của tỉnh. Trong thời gian qua mặc dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng lớn của nhiều yếu tố tác động nhưng nhóm hàng điện tử vẫn đạt tốc độ tăng cao và ổn định vững chắc. Một số sản phẩm chủ lực trong tháng 6/2022 cụ thể như sau:

Biểu 07. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 6 năm 2022	Tháng 6/2022 so với tháng 5/2022 (%)	Tháng 6/2022 so với tháng 6/2021 (%)
1. Máy in-copy	1000 cái	848	86,6	1.374,8
2. Điện thoại di động thường	1000 cái	4.840	105,2	104,5
3. Điện thoại thông minh	1000 cái	2.539	87,0	118,1
4. Đồng hồ thông minh	1000 cái	1.686	81,9	770,1
5. Màn hình điện thoại	1000 cái	694	95,9	133,5
6. Linh kiện điện tử	Tỷ đồng	33.291	91,5	116,5
7. Pin điện thoại các loại	1000 viên	15.816	128,5	100,6

Quý II/2022, có 14/24 sản phẩm chủ yếu của tỉnh có mức tăng so với quý trước, trong số các sản phẩm chủ lực của tỉnh tăng cao nhất là sản phẩm điện thoại di động thường (gấp 2,1 lần); giảm nhiều nhất là đồng hồ thông minh (-18,2%). So với cùng kỳ năm trước trong số các sản phẩm chủ lực có 5/7 sản phẩm đạt mức tăng, trong đó, máy in đạt mức tăng đột biến (gấp hơn 2,5 lần); tiếp theo đồng hồ thông minh (+66,4%); màn hình điện thoại (+29,8%); linh kiện điện tử (+28,7%). Tuy nhiên, có 2 sản phẩm công nghiệp chủ lực có mức giảm là: Điện thoại di động thường và pin điện thoại với mức giảm lần lượt là (-2,3%) và (-8,7%).

Tính chung 6 tháng đầu năm, sản xuất công nghiệp có nhiều khởi sắc, cho thấy hiệu quả của các Nghị quyết và các giải pháp đồng bộ được thực hiện đã tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho hoạt

động sản xuất công nghiệp; 58,3% số sản phẩm đạt được mức tăng, trong đó có 5/7 sản phẩm chủ lực của tỉnh đạt được mức tăng, có 4 sản phẩm đạt được mức tăng rất cao so với cùng kỳ như: Máy in; màn hình điện thoại; đồng hồ thông minh; linh kiện điện tử. Nguyên nhân do việc tăng cường kết nối thị trường và đẩy mạnh tiêu thụ và xuất khẩu hàng hóa nên nhiều phẩm công nghiệp chủ yếu và sản phẩm chủ lực vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ. Cụ thể, các sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao như:

Biểu 08. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp có chỉ số tăng cao

	Đơn vị tính	Ước tính 6 tháng đầu năm năm 2022	6 tháng 2022 so với 6 tháng 2021 (%)
1. Vải tuyn	1000 m ²	3.930	135,5
2. Quần áo mặc thường	1000 cái	38.716	129,8
3. Dược phẩm có chứa Vitamin	Kg	187.175	117,2
4. Bê tông tươi trộn sẵn	M ³	146.149	116,0
5. Máy in	1000 cái	6.724	166,4
6. Đồng hồ thông minh	1000 cái	13.315	125,6
7. Màn hình điện thoại	1000 cái	4.110	133,5
8. Linh kiện điện tử	Tỷ đồng	228.476	123,4
9. Bình đun nước nóng	1000 cái	469	134,9

Hiện nay, giá nhiều loại hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu trên thế giới tăng cao đã tạo áp lực rất lớn đến chi phí sản xuất của các doanh nghiệp; giá xăng dầu tăng đã tác động làm tăng giá thành sản phẩm hàng hóa và dịch vụ gây áp lực lên hoạt động sản xuất, kinh doanh, từ đó đã có những tác động làm chậm sự phục hồi của nền kinh tế; việc Trung Quốc tiếp tục theo đuổi chiến lược “Zero Covid” kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt đã dẫn đến việc chuỗi cung ứng bị gián đoạn, hàng hóa ùn tắc... tình hình chính trị thế giới tiếp tục biến động phức tạp, nhất là căng thẳng chính trị giữa các nước lớn, xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine, sự phục hồi kinh tế tại các quốc gia còn thiếu ổn định, không đồng đều, giá xăng dầu và nhiều loại hàng hóa khác có xu hướng tăng cao làm tăng chi phí sản xuất, vận tải, logistics, do đó gây ra nhiều khó khăn, thách thức cho các doanh nghiệp trong việc dự báo thị trường để ước tính kết quả kinh doanh. Những nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng cũng như nguồn cung lao động có thể trở lại với doanh nghiệp. Do đó, tỉnh Bắc Ninh cần có các biện pháp kịp thời để tiếp tục kiểm soát hiệu quả dịch bệnh và các ảnh hưởng nêu ở trên. Đồng thời,

cũng cần có những chính sách hỗ trợ thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

1.7.3. Chỉ số tiêu thụ sản phẩm, chỉ số tồn kho của ngành công nghiệp chế biến chế tạo.

a) Chỉ số tiêu thụ sản phẩm

Tháng 6, ước tính chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, so với tháng trước (-12,2%), trong đó ngành công nghiệp chủ lực SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (-79,7%) đã kéo chỉ số tiêu thụ chung giảm xuống. Nhưng so với cùng tháng năm trước tăng nhiều (+23,6%), trong đó, ngành công nghiệp chủ lực SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng mạnh (+22,4%); ở chiều ngược lại, các ngành có chỉ số tiêu thụ giảm như: SX thuốc lá (-5,3%), dệt (-7,3%), SX kim loại (-6,1%).

Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (+8,6%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành công nghiệp chủ lực SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học (+10,8%). Có 6/21 ngành có chỉ số tiêu thụ bị giảm so với cùng thời điểm năm trước, trong đó, ngành SX giường, tủ, bàn ghế giảm nhiều nhất (-41,2%)

b) Chỉ số tồn kho

Ước tính tại thời điểm 30/6/2022, chỉ số tồn kho của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, so với tháng trước (+2,2%), trong đó, ngành có chỉ số tồn kho tăng cao đó là ngành SX thuốc, hóa dược và dược liệu (+17,5%); đối với ngành chủ lực SXSP điện tử, máy tính và SP quang học (+3,1%). Ở chiều ngược lại một số ngành có chỉ số tồn kho giảm, như ngành SX phương tiện vận tải khác (-13,9%); tiếp theo là ngành SXSP từ kim loại đúc sẵn (-10,2%). So với cùng tháng năm trước tăng nhiều (+36,5%), trong đó một số ngành tăng cao là: SX giường, tủ, bàn, ghế (gấp 8,5 lần); SX thuốc, hóa dược và dược liệu (gấp 4,5 lần); ngành chủ lực SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học (gấp 2 lần); ngành SXSP từ khoáng phi kim loại khác (+87,3%); ngành sản xuất trang phục (+64,4%) và ngành SX giấy và SP từ giấy (+30,6%). Ở chiều ngược lại, có một số ngành giảm rất nhiều: SXSP từ kim loại đúc sẵn (-79,8%); SX MMTB chưa được phân vào đâu (-66,8%); SXSP từ cao su và plastic (-45,9%); SXSP thuốc lá (-27,4%); SX thiết bị điện (-26,5%).

1.7.4. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp phục hồi cùng với việc các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư mở rộng nhà xưởng nên nhu cầu sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh thời điểm này tăng lên, chỉ số lao động 01/6/2022 tăng ở cả 2 gốc so sánh

thời điểm tháng trước và cùng thời điểm năm trước lần lượt là (+0,47%) và (+19,97%). Xét theo loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước (-0,74%) và (-37,75%); doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (+0,42%) và tăng rất cao (+18,75%); riêng doanh nghiệp Nhà nước giảm ở cả 2 gốc so sánh (-0,06%) và (-75,4%). Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo (+0,47%) và (+20,29%); sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí giữ nguyên so với tháng trước, tăng nhẹ (+0,11%); ngành cung cấp nước và hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+0,11%) và (+8,96%).

Tính chung 6 tháng, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp so với cùng kỳ năm trước (+2,63%), trong đó, lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo (+2,65%); ngành cung cấp nước và hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng (+2,27%); riêng ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí (-0,22%). Các doanh nghiệp công nghiệp ngoài Nhà nước quy mô lao động tăng nhiều nhất (+12,56%); tiếp theo doanh nghiệp công nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (+2,22%); riêng doanh nghiệp công nghiệp loại hình Nhà nước giảm nhiều (-31,37%).

1.8. Thương mại, dịch vụ và chỉ số giá tiêu dùng

Thương mại, dịch vụ (TMDV) 6 tháng đầu năm 2022 đạt mức tăng trưởng cao nhất (+18,14%), đóng góp 3,41 điểm phần trăm vào tổng giá trị tăng thêm, sau 2 năm ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, tỉnh Bắc Ninh đang tập trung khôi phục và phát triển TMDV. Cơ sở hạ tầng ngành TMDV trên địa bàn tỉnh đã và đang được đầu tư phát triển, bên cạnh các chợ truyền thống, nhiều siêu thị, trung tâm thương mại, chuỗi siêu thị mini được mở ra, góp phần đa dạng hóa, hiện đại hóa hệ thống phân phối trên địa bàn. Khách sạn, nhà hàng tiếp tục phát triển với tốc độ khá nhanh. Các ngành dịch vụ dần được nâng cao và đa dạng cơ bản đáp ứng nhu cầu thị trường. Hoạt động xuất nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm, cùng xu hướng tăng với sản xuất công nghiệp của nhóm ngành điện tử, cán cân thương mại xuất siêu ước tính khoảng 1,5 tỷ USD.

1.8.1. Lưu chuyển hàng hoá - dịch vụ và hoạt động xuất nhập khẩu

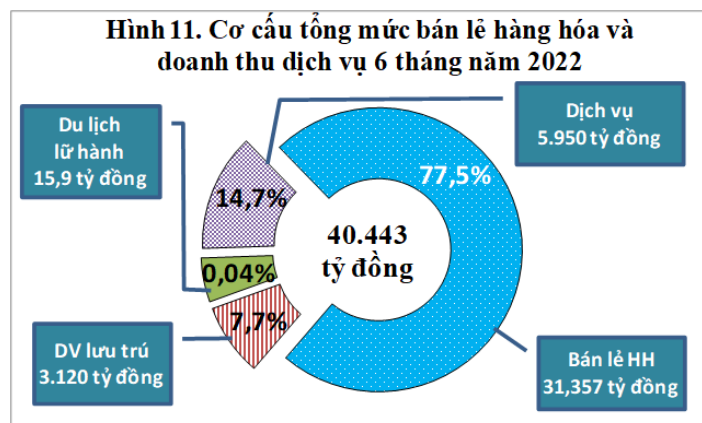
1.8.1.1. Lưu chuyển hàng hoá - dịch vụ

Tháng 6/2022, Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 9.634 tỷ đồng, tăng đột biến so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+37,7%) và (gấp 2,7 lần), nguyên nhân do ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng đột biến (gấp 5,7 lần) và (gấp 9,3 lần). Sở dĩ, doanh thu các hoạt động này có xu hướng tăng vì đặc thù tỉnh Bắc Ninh các

doanh nghiệp cung cấp suất ăn công nghiệp mở rộng phục vụ kinh doanh, phục vụ cho các doanh nghiệp sản xuất khác. Mà các doanh nghiệp sản xuất đã ít chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, một nguyên nhân khác nhờ việc mở cửa lại toàn bộ du lịch nội địa và quốc tế; Đối với hoạt động bán lẻ hàng hóa, trong tháng hàng hóa dồi dào sức mua tiếp tục duy trì ổn định, tiêu thụ hàng hóa của người dân vẫn chủ yếu tập trung vào hàng hóa thiết yếu có 10/12 nhóm hàng hóa đạt mức tăng (với mức tăng, từ 0,3%-10% so với cùng tháng năm trước), chỉ có 2 nhóm hàng hóa bị giảm là: Đá quý, kim loại quý và sản phẩm; hàng hóa khác với mức giảm lần lượt là (-3,9%) và (-4,5%). Ngành Công Thương tiếp tục theo dõi sát tình hình thị trường, thực hiện hiệu quả các chương trình bình ổn thị trường; các ngành dịch vụ còn lại đạt mức tăng lần lượt là (+1,7%) so với tháng trước và tăng đột biến 49,9% so với cùng tháng năm trước.

Quý II/2022, thực hiện các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, dịch Covid-19 dần được kiểm soát, các ngành dịch vụ đã trở lại hoạt động bình thường. Bên cạnh đó, các ngành công nghiệp vẫn duy trì sản xuất và tăng cao, Chính phủ ban hành nhiều chính sách, biện pháp khuyến khích, hỗ trợ đầu tư sản xuất, sức mua có xu hướng gia tăng nên hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ, vận tải đều có mức tăng trưởng tích cực. Thị trường hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng phục vụ nhu cầu đời sống và sản xuất kinh doanh cũng có dấu hiệu tăng cao hơn, như: các mặt hàng gỗ, vật liệu xây dựng.v.v... đã tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng cao (+20,4%) so với quý trước và tăng đột biến (+83,9%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Dịch vụ lưu trú, ăn uống (gấp 2,7 lần) và (gấp 3,8 lần); đặc biệt du lịch lữ hành (gấp 4,4 lần) và (gấp 30,7 lần).

Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 40.443 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng nhiều (+36,4%). Cụ thể: Bán lẻ hàng hóa đạt 31.357 tỷ đồng chiếm tỷ trọng nhiều nhất 77,5% trong tổng mức,



(+34,2%); tiếp theo là các ngành dịch vụ đạt 5.950 tỷ đồng chiếm 14,7%, (+49,9%); dịch vụ ăn uống đạt 3.120 tỷ đồng, chiếm 7,7%, (+34,2%); còn lại ngành du lịch lữ hành đạt 15,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng nhỏ nhất, đạt mức tăng đột biến (gấp 5,15 lần).

1.8.2. Xuất nhập khẩu (Ước tính theo nguồn Tổng cục Hải Quan)

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa, tháng 6/2022 ước tính đạt 6,4 tỷ USD, tăng 15% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 6 tháng, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa so với cùng kỳ năm trước tăng 13,3%. Trong đó:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 6, ước tính tăng 13,7% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 6 tháng, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt hơn 21 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước tăng 9%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6, ước tính tăng 16,3% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 6 tháng, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt hơn 19,5 tỷ USD so với cùng kỳ tăng 18,3%. Nhập khẩu tiếp tục xu hướng tăng cho thấy nhu cầu về nguyên vật liệu chuẩn bị cho hoạt động sản xuất cho các tháng tiếp theo có xu hướng tăng lên.

Cán cân thương mại hàng hóa, tháng 6/2022, do xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu, tiếp tục xuất siêu. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 1,5 tỷ USD, bằng 6,9% kim ngạch xuất khẩu.

1.9. Giao thông vận tải

Dịch Covid-19 được kiểm soát, nhu cầu đi lại của người dân trên đà tăng trở lại, đặc biệt trong những kỳ nghỉ lễ vừa qua, là tín hiệu tích cực để hoạt động vận tải hành khách được vực dậy sau thời gian dài hoạt động cầm chừng. Vận chuyển hành khách liên tục tăng những tháng gần đây, nhất là trong tháng 6 tăng đột biến (gấp 3,8 lần) so với cùng tháng năm trước. Tuy nhiên, do quý I/2022 sản lượng bị giảm nhiều nên 6 tháng đầu năm giảm nhẹ (-0,6%) so với cùng kỳ năm trước; Vận tải hàng hóa sản lượng tăng khá, tuy nhiên giá xăng dầu leo thang khiến chi phí hoạt động của doanh nghiệp bị đội lên rất cao; Dịch vụ hỗ trợ vận tải 6 tháng đầu năm vẫn tăng mạnh (+44,4%), do hoạt động xuất nhập khẩu tăng cao.

1.9.1. Hoạt động vận tải

1.9.1.1. Sản lượng vận tải

Vận tải hành khách

Tháng 6/2022, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 964 nghìn lượt khách, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+3%) và (gấp 3,8 lần); tương ứng khối lượng luân chuyển ước đạt 35,2 triệu lượt khách.km, (+2,5%) và (gấp 2,6 lần). Sau thời gian tạm nghỉ do dịch bệnh, hiện nay vận tải hành khách đã hoạt động trở lại, lượng khách hiện nay đã tương đương với thời kỳ chưa xảy ra dịch Covid-19; Xét theo ngành đường: Vận tải khách đường bộ, khối lượng vận chuyển ước đạt 942 nghìn lượt khách, (+3%)

và (gấp 3,9 lần); khối lượng luân chuyển ước đạt 35,2 triệu lượt khách.km, (+2,5%) và (gấp 2,6 lần). Vận tải khách đường thủy, khối lượng vận chuyển ước đạt 21,4 nghìn lượt khách, (+2,9%) và (gấp 1,8 lần), khối lượng luân chuyển ước đạt 0,02 triệu lượt khách.km, (+3%) và (gấp 1,7 lần).

Quý II/2022, khối lượng vận chuyển ước đạt 2.803 nghìn lượt HK, so với quý trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+7,1%) và tăng mạnh (+55,3%); khối lượng luân chuyển ước đạt 101,5 triệu lượt HK.km, (+2,1%) và (+14%).

Trong 6 tháng đầu năm 2022, khối lượng vận chuyển ước đạt 5.401 nghìn lượt HK, (-0,6%) so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2021, giảm 30,8%); khối lượng luân chuyển ước đạt 200,9 triệu lượt HK.km, (-23,1%), (cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2021 giảm 30,5%); Xét theo ngành vận tải:

**Biểu 09. Vận tải hành khách 6 tháng đầu năm 2022
phân theo ngành vận tải**

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Nghìn HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	5.420,5	200,9	-0,4	-23,1
Đường bộ	5.303,2	200,8	3,7	-23,1
Đường thủy	117,3	0,1	-65,4	-58,0

Vận tải hàng hoá

Tháng 6, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 3,2 triệu tấn, tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+0,3%) và (+35,8%); tương ứng khối lượng luân chuyển ước đạt 167,9 triệu tấn.km, (+1,8%) và (+32,2%); Xét theo ngành: Vận tải hàng hóa đường bộ, khối lượng vận chuyển ước đạt 2,4 triệu tấn, (-0,8%) nhưng (+37,9%); khối lượng luân chuyển ước đạt 67,1 triệu tấn.km, (+1,8%) và (+32,2%). Vận tải hàng hóa thủy, khối lượng vận chuyển ước đạt 0,8 triệu tấn, (+3,6%) và (+30,1%), khối lượng luân chuyển ước đạt 100,8 triệu tấn.km, (+4,2%) và (+29,9%), giá xăng dầu hiện nay liên tục biến động tăng phần nào ảnh hưởng đến vận chuyển hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

Quý II/2022, khối lượng vận chuyển ước đạt 9,3 triệu tấn hàng hóa, so với quý trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (-2,9%) nhưng (+23%); tương ứng khối lượng luân chuyển ước đạt 488,6 triệu tấn.km, (-5,2%) nhưng (+23,8%).

Trong 6 tháng đầu năm 2022, khối lượng vận chuyển ước đạt 18,8 triệu tấn hàng hóa, (+10,5%) so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2021 giảm 7,3%); khối lượng luân chuyển ước đạt 1.004 triệu tấn.km, (+15,5%), (cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2021 giảm 6,5%); Xét theo ngành vận tải:

**Biểu 10. Vận tải hàng hóa 6 tháng đầu năm 2022
phân theo ngành vận tải**

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	18.805,5	1.003,8	10,5	15,5
Đường bộ	13.858,1	395,9	7,5	3,7
Đường thủy	4.947,4	607,9	19,9	24,8

1.9.1.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Những tháng đầu năm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên doanh thu vận tải hành khách bị ảnh hưởng nhiều nhất. Tuy nhiên, liên tiếp 2 tháng gần đây tình hình sản xuất của các doanh nghiệp trong tỉnh có phần khởi sắc hơn với nhiều đơn hàng xuất khẩu, hoạt động xây dựng cũng tăng trở lại nên nhu cầu vận chuyển hàng hóa, dịch vụ logistics, kê khai hải quan và nhu cầu đi lại của người dân lại tăng lên.

Tháng 6/2022, doanh thu vận tải hành khách và vận tải hàng hóa đạt 60,2 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+9,4%) và (gấp 3,5 lần); doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 227,6 tỷ đồng, (+0,7%) và (+26,3%); doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 477 tỷ đồng, (-8,3%) nhưng (gấp 2,5 lần). Hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tiếp tục xu hướng tăng so với cùng tháng năm trước do lượng hàng hóa sản xuất tăng lên, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có nhu cầu lưu giữ hàng hóa, sử dụng các dịch vụ logistics, bốc xếp khi xuất, nhập khẩu các nguyên vật liệu, hàng hóa tăng khá.

Quý II/2022, ước tính doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 2.356 tỷ đồng, so với quý trước và cùng kỳ năm trước, lần lượt là (+0,5%) và (+17,4%), trong đó doanh thu vận tải hành khách đạt 174 tỷ đồng, (+14,5%) nhưng (-6,6%); doanh thu vận tải hàng hóa đạt 699 tỷ đồng, (-7%) nhưng (+8,8%); dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 1.483 tỷ đồng, (+2,9%) và (+25,9%).

Trong 6 tháng đầu năm 2022, ước tính doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 4.702 đồng, (+28,1%). Xét theo loại hình kinh tế: doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 1.979 tỷ đồng, (+12%); doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 2.604 tỷ đồng, tăng cao (+45%); riêng doanh nghiệp Nhà nước ước đạt 97 tỷ đồng, (-9,9%). Xét theo ngành vận tải: Ngành dịch vụ hỗ trợ vận tải có mức tăng cao nhất (+44,4%); tiếp theo vận tải hàng hóa (+11,6%); riêng ngành vận tải hành khách vẫn giảm (-5,8%) do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trước đó.

1.9.2. Hoạt động bưu chính viễn thông

Theo đó, trong lĩnh vực bưu chính, mặc dù giá nhiên liệu tăng khiến chi phí của các doanh nghiệp tăng từ 10-20%, chi phí cho nhiên liệu tăng 30-40% so với cùng kỳ, các doanh nghiệp chưa tăng giá bán dịch vụ, tuy nhiên hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp bưu chính cơ bản vẫn ổn định.

Trong lĩnh vực viễn thông, tỉ lệ thuê bao băng rộng cố định và băng rộng di động 6 tháng đầu năm 2022 đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Ước tính 6 tháng đầu năm 2022, tổng số thuê bao điện thoại khoảng 2.221.000 thuê bao, đạt mật độ 156 thuê bao/100 dân (trong đó: thuê bao điện thoại cố định khoảng 30.000 thuê bao, thuê bao điện thoại di động khoảng 2.191.000 thuê bao). Tổng số thuê bao Internet các loại ước đạt 1.090.000 thuê bao; mật độ đạt 74 thuê bao/100 dân (trong đó: thuê bao Internet băng rộng cố định khoảng 240.000 thuê bao, thuê bao Internet không dây băng rộng là 850.000 thuê bao). Tổng số thuê bao truyền hình trả tiền trên địa bàn tỉnh là 133.000 thuê bao, mật độ đạt 9 thuê bao/100 dân. Tổng số trạm BTS hơn 3.030 trạm các loại (2G, 3G, 4G, 5G) với tổng cộng hơn 1.260 cột BTS. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2022 đạt hơn 980 tỷ đồng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 8 doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh. Mạng điện thoại di động 3G, 4G đã được phủ sóng đến tất cả các thôn, xóm trên địa bàn tỉnh với chất lượng tốt và trở thành một phương tiện thông tin liên lạc thiết yếu, mạng truyền hình trả tiền đã được phát triển rộng khắp với chất lượng cao, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng của người dân.

1.10. Một số vấn đề xã hội

1.10.1. Lao động, giải quyết việc làm, an sinh xã hội

Lao động và giải quyết việc làm, Công tác lao động và giải quyết việc làm được quan tâm, triển khai điều tra thông tin thị trường lao động năm 2022, thực hiện liên kết hệ thống các trung tâm dịch vụ việc làm nhằm kết nối hỗ trợ doanh nghiệp; dự báo nguồn nhân lực, bảo đảm đáp ứng đủ lao động cho hoạt động sản xuất kinh doanh; tiếp tục bảo lãnh nhập cảnh lao động người nước ngoài đến làm việc theo đúng quy định. Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; ban hành kế hoạch thực hiện Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động.

Giáo dục nghề nghiệp, hệ thống các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh tuyển sinh học nghề 13.600 người tham gia trình độ sơ cấp. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2022 cho lao động nông thôn, phụ nữ, người khuyết tật và thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an học nghề; truyền thông lĩnh vực GDNN trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025; xây dựng kế hoạch chuyển đổi số lĩnh vực GDNN đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; đổi tên cơ Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh; công nhận hiệu trưởng trường trung cấp Bách Khoa Bắc Ninh, nhiệm kỳ 2021-2026. Hướng dẫn cơ sở GDNN thực hiện Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân tỉnh về quy định hỗ trợ học phí đối với học sinh tốt nghiệp THPT đi học nghề ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cấp 01 giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN trường Trung cấp Y tế Trung ương. Kiểm tra 02 cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường trung cấp y khoa Việt nam, Trường trung cấp y dược Thăng Long.

Công tác Người có công, công tác chăm lo đối tượng người có công luôn được cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở đặc biệt quan tâm thực hiện tốt. Bên cạnh thực hiện kịp thời các chế độ ưu đãi bằng tiền trợ cấp hàng tháng, trong dịp đón Xuân Nhâm Dần năm 2022 trên địa bàn tỉnh thực hiện tặng 64.689 suất quà cho người có công, với số tiền 50,6 tỷ đồng; phối hợp với Quỹ Thiện Tâm - Tập đoàn Vingroup thực hiện rà soát đối tượng Thương binh nặng có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên đề nghị tặng quà với mức 15 triệu đồng/người. Kết quả 240 đối tượng, số tiền 3,6 tỷ đồng; rà soát, quyết định số lượng điều dưỡng phục hồi sức khỏe năm 2022 đối với 7.528 người (ngân sách trung ương: 3.219, ngân sách địa phương: 4.309 người).

Bảo trợ xã hội và phòng chống TNXH, trong dịp đón Xuân Nhâm Dần năm 2022 công tác chăm lo hộ nghèo, người cao tuổi, đối tượng hưởng chính sách bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn được cấp ủy, chính quyền quan tâm, tổ chức thực hiện hiệu quả. Kết quả được 100% hộ nghèo được nhận quà tặng, bình quân chung mỗi hộ nhận được 1,55 triệu đồng/hộ (7.295 suất quà tặng hộ nghèo, với số tiền 6,51 tỷ đồng; 1.855 suất quà cho người cao tuổi chúc thọ, mừng thọ, số tiền 2,56 tỷ đồng; 3.607 suất quà đến với đối tượng bảo trợ xã hội và người có hoàn cảnh khó khăn đón Tết, số tiền 1,09 tỷ đồng; đoàn lãnh đạo tỉnh đến thăm hỏi, động viên 31 công dân Bắc Ninh từ Ucraina trở về quê hương, với tổng số tiền 77,5 triệu đồng; Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội: Tổ chức chăm sóc nuôi dưỡng, dạy văn hóa cho 156 trẻ em khuyết tật, 01 đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp; nuôi dưỡng chăm sóc 10 trẻ bỏ

roi; bàn giao 06 trẻ em tái hòa nhập gia đình cộng đồng. Thực hiện công tác phòng, chống dịch, đảm bảo chế độ dinh dưỡng, thăm, khám sức khỏe định kỳ trẻ em theo quy định.

Cơ sở cai nghiện ma túy, tiếp nhận 76 người đến cai nghiện ma túy, trong đó 11 trường hợp bắt buộc, 65 tự nguyện ma túy; bàn giao 112 người về gia đình cộng đồng, trong đó 23 bắt buộc, 89 người tự nguyện. Đến ngày 20/5/2022 cơ sở cai nghiện đang quản lý, điều trị 137 người, trong đó 67 người bắt buộc, 70 người cai nghiện tự nguyện. Duy trì điểm uống thuốc Methadone cai nghiện ma túy cho 79 người.

Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới, trong dịp đón Xuân Nhâm Dần năm 2022 trên địa bàn tỉnh tặng 2.768 suất quà trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, với số tiền 1,14 tỷ đồng; phối hợp với Trung tâm tim mạch Bệnh viện E, Hà Nội khám sàng lọc trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh cho 93 trẻ em, thông qua sàng lọc khám có 10 trường hợp trẻ được chỉ định phẫu thuật tim. Xây dựng kế hoạch, thành lập các đoàn đến thăm, tặng quà trẻ em dịp Quốc tế thiếu nhi (1/6); triển khai chương trình quỹ sữa vươn cao đối với trẻ em ở 2 cơ sở trợ giúp xã hội (Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội, Nhà tình thương Hương La, huyện Lương Tài); Tổ chức Hội nghị tập huấn: tập huấn kiến thức, kỹ năng an toàn môi trường nước cho gần 1.300 trẻ em tại trường THCS Vạn An, TP Bắc Ninh, trường THCS Nguyễn Cao, huyện Quế Võ; tập huấn tổng quan về trẻ khuyết tật, tự kỷ cho 350 đại biểu nhà giáo, nhân viên y tế học đường, nhân viên giúp đỡ ở cộng đồng 2 huyện Tiên Du, Quế Võ; tổ chức 8 hội nghị tập huấn, với 2.000 người là cán bộ nữ cơ sở, thành viên ban vì sự tiến bộ phụ nữ.

1.10.2. Hoạt động y tế, phòng, chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Công tác y tế dự phòng từng bước được nâng cao chất lượng; ngành y đã chủ động, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và trong các hoạt động phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm như sốt rét, sốt xuất huyết. Xây dựng kế hoạch đảm bảo công tác y tế đối với các tình huống dịch bệnh nhằm sẵn sàng nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo kịp thời. Công tác chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh được đảm bảo, tiếp tục triển khai kết hợp khám chữa bệnh y học cổ truyền và y học hiện đại; quy trình, thủ tục khám chữa bệnh được cải tiến, chất lượng dịch vụ y tế được nâng lên, Triển khai thí điểm khám chữa bệnh BHYT bằng căn cước công dân gắn chip để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đi khám bệnh, chữa bệnh¹; triển khai Đề

¹ Tổng số lượt khám bệnh, chữa bệnh là: 848.313 lượt (giảm 49.184 lượt so cùng kỳ), trong đó số lượt khám chữa bệnh tại trạm y tế là 187.565 lượt. Số lượt điều trị nội trú là 77.506 lượt. Số chuyển tuyến nội trú là: 2.160 lượt (giảm 66 lượt); Số chuyển tuyến ngoại trú là: 24.117 lượt (giảm 2.993 lượt). Số ca phẫu thuật là: 12.628 ca (giảm 85 ca).

án Ứng dụng phát triển kỹ thuật cao ngành Y tế Bắc Ninh giai đoạn 2022-2026, đặc biệt bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm (IVF); Ban hành Kế hoạch Phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao năng lực khám chữa bệnh răng hàm mặt và phòng chống bệnh răng miệng tại cộng đồng giai đoạn 2022- 2030; Kế hoạch thực hiện Đề án “Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2022-2025”; Thành lập Tổ công tác xây dựng Kế hoạch thí điểm mô hình lấy mẫu, thu gom, xét nghiệm tập trung các mẫu xét nghiệm, bệnh phẩm từ các Trạm y tế xã về Trung tâm y tế huyện Quế Võ; Tổ xây dựng Kế hoạch phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022 - 2025.

Công tác tiêm chủng mở rộng duy trì thường xuyên, hiệu quả, đảm bảo an toàn theo đúng quy định. Ban hành Kế hoạch triển khai tiêm liều nhắc lại lần 2 (mũi 4) vắc xin phòng Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản thực hiện tốt, đảm bảo 100% phụ nữ mang thai được khám thai định kỳ. Thực hiện tốt các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em².

Tăng cường quản lý hoạt động ngành y, dược ngoài công lập, quản lý thị trường thuốc tân dược, thực phẩm chức năng... Tiếp tục thực hiện tốt Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã tại 126 xã, phường. Chú trọng công tác thu, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Tình hình mắc, tử vong một số bệnh truyền nhiễm gây dịch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như sau:

- *Dịch Covid-19*

+ Tính đến 6^h00' ngày 16/5/2022, toàn tỉnh ghi nhận 346.541 ca, trong đó có 92.129 ca mắc tại các khu/cụm công nghiệp, tử vong 149 ca (tại tỉnh 144 ca, tại BV Nhiệt đới TW 05 ca).

+ Luỹ kế số F0 điều trị khỏi ra viện/hết thời gian quản lý tại nhà: 345.585 ca.

+ Công tác điều trị: Tổng số F0 hiện đang điều trị/quản lý trên địa bàn tỉnh là 738 ca (không có bệnh nhân nặng), trong đó: Tại BVĐK tỉnh: 01 F0; Tại các TTYT huyện/thành phố/BV Sản Nhi: 09 F0; Quản lý tại nhà là 728 F0.

+ Công tác xét nghiệm SARS-COV-2: Tổng số mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2: 5.673.438 mẫu PCR, 988.723 test nhanh.

² Tổng số trẻ sinh ra là 4.263 trẻ (giảm 1.022 trẻ so với cùng kỳ), tỷ số giới tính khi sinh 122,4 trẻ trai/100 trẻ gái, tăng 5,6 điểm %; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên 28,7% giảm 0,7%. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần/3 kỳ đạt 98,5%; Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh đạt 66%. Tỷ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng dưới 2.500gram là 4,4%.

- *Đối với bệnh truyền nhiễm khác gây dịch:* Tính đến 30/4/2022 ghi nhận: 02 trường hợp sốt xuất huyết (giảm 04 trường hợp so với cùng kỳ năm trước); 23 trường hợp thủy đậu (giảm 413 trường hợp so với cùng kỳ năm trước); 05 trường hợp quai bị (giảm 19 trường hợp so với cùng kỳ năm trước); 03 trường hợp mắc tay chân miệng (giảm 38 trường hợp so với cùng kỳ năm trước); 15 trường hợp mắc sởi (tăng 10 trường hợp so với cùng kỳ năm trước); 267 trường hợp mắc cúm (giảm 308 trường hợp so với cùng kỳ năm trước). Không ghi nhận trường hợp tử vong do bệnh truyền nhiễm gây dịch trên địa bàn tỉnh.

- *Công tác tiêm chủng:*

+ Tính đến hết ngày 15/05/2022 toàn tỉnh đã triển khai tiêm 3.585.299 liều vắc xin cho các đối tượng người dân trên 18 tuổi, trẻ từ 5-17 tuổi, công nhân trong và ngoài khu công nghiệp (bao gồm cả những người đang cư trú trên địa bàn và không cư trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh): Trong đó mũi 1: 1.294.991 liều (có 38.147 liều cho trẻ từ 5-11 tuổi), mũi 2: 1.212.335 liều, mũi bổ sung và nhắc lại: 1.077.973 liều.

+ Tỷ lệ người trên 18 tuổi được tiêm đủ mũi vắc xin trên toàn tỉnh là 98,8%; Tỷ lệ người trên 50 tuổi tiêm đủ mũi vắc xin là 98,7%; Tỷ lệ công nhân trong khu công nghiệp tiêm đủ mũi là 95,6%; Tỷ lệ người từ 12-17 tuổi tiêm 01 mũi vắc xin là 99,3%, tỷ lệ tiêm đủ mũi là 97,5%; Tỷ lệ trẻ từ 5-11 tuổi tiêm mũi 1 là 21,8%.

+ Số người được tiêm mũi bổ sung và nhắc lại là 1.073.973 người đạt tỷ lệ 91,5%, trong đó số người được tiêm mũi nhắc lại là 717.176 người đạt 60,8%.

+ Cấp hộ chiếu Vắc xin: Tính đến hết ngày 15/05/2022, số đối tượng đã được cấp hộ chiếu vắc xin trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là 534.181 người.

+ Tiếp tục tăng cường hiệu quả Chương trình tiêm chủng mở rộng, đảm bảo các biện pháp an toàn tiêm chủng và các biện pháp phòng chống lây nhiễm theo quy định. Tổ chức tiêm chủng vào nhiều ngày trong tháng, nhiều khung giờ khác nhau. Đảm bảo trẻ em dưới 1 tuổi và phụ nữ có thai trên địa bàn tỉnh được tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, đạt tỉ lệ tiêm chủng các mũi vắc xin MR, DPT, Viêm não Nhật Bản, Uốn ván cho phụ nữ có thai³.

- *Công tác phòng chống HIV/AIDS:* Tính đến thời điểm 30/4/2022, toàn tỉnh phát hiện 25 trường hợp HIV dương tính mới (Từ Sơn: 6, Tiên Du: 8, Lương Tài: 4, Gia Bình: 1, Quế Võ: 3, Yên Phong: 3). Tổng số người nhiễm HIV quản lý tại địa phương là 880 người. Số người nhiễm HIV có thẻ BHYT

³ Tính đến 30/4/2022, toàn tỉnh có 5.608 trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ, 5.360 phụ nữ mang thai được tiêm đủ mũi uốn ván, 5.201 trẻ được tiêm viêm gan B sơ sinh dưới 24h, 6.393 trẻ được tiêm sởi-rubella, 5.966 trẻ được tiêm phòng viêm não nhật bản mũi 2.

là 791 người (89,9%). Số hiện mắc AIDS là 48 người, trong đó số được quản lý là 18 người.

- *Công tác Dân số - KHHGD và bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em:*

+ Tính đến hết tháng 4, tổng số trẻ sinh ra là 4.263 trẻ (giảm 1.022 trẻ so với cùng kỳ), trong đó có 2.347 trẻ sinh ra là nam, 1.916 trẻ sinh ra là nữ, 1.222 trẻ sinh là con thứ 3 trở lên, 110 trẻ là con của phụ nữ dưới 20 tuổi. Tỷ số giới tính khi sinh là 122,4 trẻ trai/100 trẻ gái, tăng 5,6 điểm % so với cùng kỳ. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 28,7%, giảm 0,7 điểm % so với cùng kỳ. Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 65,8%.

+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai đạt 99,9%; Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần/3 kỳ đạt 98,5%; Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh đạt 66%. Tỷ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng dưới 2.500gram là 4,4%.

- *Công tác an toàn thực phẩm:* Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thực phẩm. Thực hiện thanh, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn; triển khai các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục các sự cố về an toàn thực phẩm... Công tác giám sát, phát hiện mối nguy ô nhiễm thực phẩm trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm, kịp thời phát hiện và có biện pháp ngăn chặn không để thực phẩm không đảm bảo chất lượng lưu thông trên thị trường. Trong 6 tháng đầu năm 2022, không xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Ngành chức năng đã tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đã tiến hành kiểm tra: 389 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, trong đó có 272 cơ sở đạt yêu cầu (chiếm 69,72%), số cơ sở vi phạm 177 cơ sở (chiếm 30,08%). Tiến hành xử phạt 08 cơ sở với số tiền 56 triệu đồng, các cơ sở khác xử lý hình thức nhắc nhở.

1.10.3. Giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ

Giáo dục và đào tạo, thời điểm hiện nay. ngành giáo dục cơ bản hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021-2022. Năm học 2021-2022 diễn ra trong bối cảnh hết sức đặc biệt, là năm học đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; đây cũng là năm học thứ hai ngành Giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đặc biệt, đây là năm học thứ ba diễn ra trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, ngành Giáo dục tiếp tục thực hiện “nhiệm vụ kép”: Vừa tuân thủ tuyệt đối các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, vừa khôi phục, duy trì các hoạt động giáo dục bảo đảm an toàn cho cán bộ giáo viên, học sinh, hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021-2022.

Đến nay, toàn tỉnh có 503 trường học từ cấp mầm non đến THPT (trong đó, có 466 trường công lập); 363.612 học sinh các cấp; 17.825 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường học với tỷ lệ đạt chuẩn là 93,06%, trên chuẩn là 32,47%. Đội ngũ giáo viên (đến ngày 01/3/2022), *giáo dục mầm non*: 5414 biên chế, trong đó: 456 CBQL, 4.751 giáo viên, 208 nhân viên văn phòng; trình độ đạt chuẩn cao đẳng của CBQL và giáo viên là 93,7%, trên chuẩn từ trình độ đại học trở lên là 83,1%; *giáo dục tiểu học*: 5.504 biên chế, trong đó: 342 CBQL, 4.807 giáo viên, 347 nhân viên văn phòng; trình độ đạt chuẩn đại học của CBQL và giáo viên là 88,3%, trên chuẩn từ trình độ thạc sỹ trở lên là 1,8%; *giáo dục trung học cơ sở*: 4.678 biên chế, trong đó: 285 CBQL, 4.029 giáo viên, 364 nhân viên văn phòng; trình độ đạt chuẩn đại học của CBQL và giáo viên là 94,9%, trên chuẩn từ trình độ thạc sỹ trở lên là 10,7%; *giáo dục trung học phổ thông*: 2.012 biên chế, trong đó: 87 CBQL, 1.879 giáo viên, 46 nhân viên văn phòng; trình độ đạt chuẩn đại học của CBQLGD và giáo viên là 100%, trên chuẩn từ trình độ thạc sỹ trở lên là 48,0%.

Ngoài ra, có 02 trung tâm GDTX và 01 trung tâm GDNN-GDTX cấp tỉnh, 05 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện và 02 trường CĐ có dạy chương trình GDTX cấp THPT với 162 lớp, 6.376 học viên học văn hóa hệ THPT (tăng 14 lớp, 255 học viên so với năm học 2020 - 2021); 100% xã/phường/thị trấn trong tỉnh có TT HTCĐ; 86 trung tâm ngoại ngữ, ngoại ngữ - tin học; 06 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; 25 trung tâm GD kỹ năng sống và HĐGD ngoài giờ chính khóa. Đội ngũ giáo viên các trung tâm GDTX, GDNN-GDTX trực thuộc Sở GDĐT: 217 biên chế, trong đó: 27 CBQL, 147 giáo viên, 43 nhân viên văn phòng; trình độ đạt chuẩn đại học của CBQLGD và giáo viên là 100%, trên chuẩn từ trình độ thạc sỹ trở lên là 48,3%.

Trường Cao đẳng Sư phạm: Hệ chính quy với 23 lớp. 827 sinh viên (giảm 10 lớp, 169 sinh viên); hệ CĐ VHVL với 04 lớp CĐ mầm non, 177 sinh viên; hệ ĐH liên kết đào tạo với 32 lớp, 1369 sinh viên (tăng 292 sinh viên so với năm học trước). Đội ngũ giáo viên: Có 94 cán bộ, giảng viên, nhân viên trong biên chế; tỷ lệ CBQL và giảng viên có bằng trên đại học là 95,3% (trong đó có: 06 tiến sỹ, 75 thạc sỹ).

Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN): Hoạt động khoa học và công nghệ 6 tháng đầu năm được triển khai bảo đảm tiến độ và kế hoạch đề ra. Đã trình, được UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện 16 đề tài, dự án thực hiện mới và 28 nhiệm vụ KH&CN. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN mới đang tiến hành triển khai giai đoạn 1; một số nhiệm vụ chuyên tiếp đã hoàn

thành và ứng dụng vào thực tiễn. Hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN tiếp tục được duy trì thực hiện (trong 6 tháng đầu năm, đã cấp 23 giấy phép gồm: Giấy chứng nhận Hợp đồng chuyển giao công nghệ, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN, giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, giấy phép hoạt động cho thiết bị X-quang y tế, chứng chỉ nhân viên bức xạ; tư vấn, hướng dẫn 38 đơn vị lập hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa và kiểu dáng công nghiệp; kiểm định, hiệu chuẩn 1.075 phương tiện đo các loại; kiểm nghiệm, phân tích 265 mẫu sản phẩm theo yêu cầu; tư vấn, hướng dẫn 02 doanh nghiệp đăng ký sử dụng mã số, mã vạch và 07 hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy cho các sản phẩm hàng hóa; tiếp nhận và xử lý 315 hồ sơ đăng ký kiểm tra Nhà nước về hàng hoá nhập khẩu; tiếp nhận và hướng dẫn 02 đơn vị đăng ký tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; tư vấn, hướng dẫn cho 02 lượt cơ quan, đơn vị về việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; kiểm tra 31 kinh doanh về xăng, dầu, vàng, trang sức mỹ nghệ, đồ điện - điện tử). Hoạt động thông tin KH&CN được đẩy mạnh nhằm tuyên truyền, phổ biến KH&CN phục vụ thiết thực và hiệu quả cho nhu cầu sản xuất và đời sống

1.10.4. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình

Hoạt động văn hóa: tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phục vụ nhiệm vụ chính trị thường xuyên và đột xuất, được tổ chức đa dạng với nhiều hình thức; tiếp tục tổ chức, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động nghệ thuật, biểu diễn, hoạt động điện ảnh, mỹ thuật, triển lãm, văn hóa văn nghệ quần chúng; thực hiện các buổi chiếu phim,... Cụ thể: Tổ chức 16 buổi biểu diễn nghệ thuật, 130 buổi chiếu phim; ghi hình chương trình nghệ thuật “Chào năm mới 2022” với chủ đề Bắc Ninh ngày mới phát trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Ninh; tham gia Liên hoan Diễn xướng dân gian văn hóa các dân tộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên lần thứ III năm 2022 tại tỉnh Kon Tum, kết quả đạt 01 Giải A, 04 Giải B, 01 Giải Ba Hội thi Trai tài - Gái đảm; tham gia Lễ hội Bánh dân gian Nam Bộ lần thứ IX năm 2022, đạt 01 huy chương Vàng, 01 huy chương Bạc, 01 Bằng khen toàn đoàn; tổ chức Liên hoan hát Văn, hát Châu văn tỉnh Bắc Ninh lần thứ I năm 2022; hoạt động Thư viện, Bảo tàng đã có nhiều đổi mới nhằm nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc và khách thăm quan, qua đó đã góp phần từng bước thực hiện thắng lợi mục tiêu “Xây dựng phong trào đọc sách trong xã hội góp phần xây dựng có hiệu quả thế hệ đọc tương lai”; giáo dục truyền thống lịch sử, cách mạng cho thế hệ trẻ; sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, lưu giữ hiện vật cổ, hiện vật quý hiếm giới thiệu cho khách thăm quan và phục vụ

công tác nghiên cứu khoa học; công tác quản lý, bảo tồn, phát huy các di sản, di tích văn hóa, lịch sử tiếp tục được tăng cường, triển khai kế hoạch tu bổ, chống xuống cấp di tích năm 2022; lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia tỉnh Bắc Ninh đợt 11 năm 2022.

Thể dục thể thao: Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng làm nền tảng phát triển thể thao thành tích cao, triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; tổ chức thành công Giải chạy Nagakawa “Khỏe để lập nghiệp và giữ nước”; Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân. Thể thao thành tích cao tiếp tục phát triển, cử 10 Đoàn tham gia thi đấu các giải quốc gia, quốc tế⁴; cử 29 vận động viên tập huấn Đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia. Đăng cai tổ chức thành công 4 môn thi đấu trong khuôn khổ SEA Games 31; Bắc Ninh có 5/6 VĐV tham dự SEA Games giành huy chương gồm: 03 Huy chương Vàng và 02 Huy chương Đồng.

Phát thanh truyền hình: Phát thanh, Sản xuất và phát sóng 543 chương trình thời sự tổng hợp, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước; 1086 chương trình chuyên đề, chuyên mục, giảm 0,6%; 181 chương trình văn nghệ, ca nhạc, giảm 0,6%. Phát sóng 2.968,5 giờ, chất lượng tốt giảm 0,1%. *Truyền hình,* sản xuất và phát sóng 1.086 chương trình thời sự tổng hợp, giảm 0,6%; 543 chương trình tạp chí, chuyên mục, chuyên đề, giảm 0,6%; 543 chương trình văn nghệ, bằng với cùng kỳ năm trước; 181 chương trình dành cho thiếu nhi. Phát sóng 4.344 giờ, chất lượng tốt, giảm 0,6%; Thông tin điện tử: Thực hiện truyền hình trực tuyến. Upload 362 chương trình truyền hình, 181 chương trình phát thanh. Tổng số lượt người truy cập: 442.719 lượt khán, thính giả truy cập. Trung bình có khoảng 2.589 khán thính giả truy cập/ngày.

1.10.5. An ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội:

- Quân sự: Bộ đội địa phương cùng các lực lượng DQTV duy trì tốt chế độ trực SSCĐ, tuần tra canh gác, kiểm soát quân sự bảo đảm an toàn. Nắm chắc tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; kịp thời xử lý không để bị động bất ngờ. Hoàn thành công tác tuyển quân năm 2022 (với 1.650 công dân). Duy trì dự trữ đủ vật chất, trang bị, phương tiện hậu cần, kỹ thuật đảm bảo sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức tốt công tác tập huấn, huấn luyện lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên và bồi dưỡng KTQP&AN cho các đối tượng; chỉ đạo công tác chuẩn bị cho diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy rừng theo kế hoạch.

⁴ Các môn Pencak Silat, Wushu, Kickboxing, Jujitsu, Vật, Judo, Boxing, Cử tạ, Điền kinh.

- An ninh chính trị được giữ vững ổn định. Chủ động triển khai các phương án, kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm; hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn ngoại giao, khách quốc tế đến thăm và làm việc; các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng trên địa bàn, đặc biệt là chuyển công tác của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, các hoạt động kỷ niệm 190 năm thành lập và 25 năm tái lập tỉnh, SEA Games 31. Làm tốt công tác quản lý nhà nước về an ninh tôn giáo. Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình tại các điểm có dấu hiệu phức tạp về an ninh nông thôn, chủ động các giải pháp giữ vững ổn định.

Công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội có chuyển biến tích cực, kiềm chế sự gia tăng tội phạm, đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội: số vụ phạm pháp hình sự giảm 3% so với cùng kỳ; tỷ lệ điều tra phá án cao (đạt 88,2%)⁵. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh, phát huy hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về trật tự xã hội được tăng cường, thành lập tổ công tác và triển khai các nhiệm vụ trong tâm trong đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; triển khai đồng bộ các giải pháp đẩy nhanh tiến độ cấp thẻ Căn cước công dân và định danh điện tử cho công dân trên địa bàn tỉnh.

Tình hình an toàn giao thông, triển khai quyết liệt, hiệu quả những đợt cao điểm bảo đảm TTATGT; duy trì các điểm chốt hướng dẫn giao thông tại các nút, tuyến hay xảy ra ùn tắc. Kết quả 6 tháng đầu năm 2022 (tính đến thời điểm 15/6), xảy ra 31 vụ TNGT, làm chết 26 người, bị thương 11 người, so với cùng kỳ năm trước giảm cả 3 tiêu chí (giảm 02 vụ, giảm 01 người chết và giảm 01 người bị thương).

1.10.6. Phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH): Mở đợt cao điểm về tuyên truyền, kiểm tra an toàn PCCC tại các chợ, trung tâm thương mại. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC, tập trung vào các địa bàn trọng điểm, kết quả: Kiểm tra, lập biên bản và ra quyết định xử phạt 73 trường hợp vi phạm, với số tiền trên 1,3 tỷ đồng; quyết định tạm đình chỉ hoạt động 26 cơ sở, đình chỉ hoạt động 14 cơ sở. 6 tháng đầu

⁵ Trên địa bàn xảy ra 235 vụ phạm pháp hình sự; bắt 76 vụ đánh bạc, giảm 9,5%; bắt 15 vụ mại dâm, giảm 6,3%. Phát hiện, bắt giữ 336 vụ phạm tội về ma túy, giảm 4,5%. Phát hiện, xử lý 148 vụ việc về kinh tế, tham nhũng, buôn lậu, giảm 5,1%. Phát hiện 248 vụ vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm tăng 6,9%.

năm xảy ra 08 vụ cháy (tăng 03 vụ, nhưng giảm 03 người chết) so với cùng kỳ năm trước. Tổ chức cứu nạn, cứu hộ 04 vụ.

Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng, đơn đốc thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường, giai đoạn 2019-2025; đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án tổng thể xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề Văn Môn. Tổ chức tập huấn về công tác bảo vệ môi trường khu dân cư. Tiếp nhận và xử lý 14 phản ánh, kiến nghị về môi trường; xử lý nghiêm 5 trường hợp vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại xã Văn Môn, Yên Phong, tình trạng ô nhiễm môi trường tại Cụm công nghiệp Phú Lâm và phường Phong Khê. Giám sát vận hành hoạt động của Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường và việc đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho kết nối và truyền dữ liệu đối với các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2022, Phát hiện 248 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm so với cùng kỳ năm trước (tăng 16 vụ). Đã xác minh, làm rõ 231 vụ (tăng 25 vụ); khởi tố 01 vụ, 02 bị can về tội sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm; xử phạt VPHC 224 đối tượng với 86 tổ chức, 145 cá nhân, số tiền phạt 5,4 tỷ đồng; kiến nghị khắc phục 06 vụ; đang tiếp tục xác minh làm rõ 17 vụ.

Khái quát lại: 6 tháng đầu năm 2022, kinh tế của tỉnh đang phục hồi với nhiều tín hiệu khởi sắc, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự giám sát của HĐND, sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, sự đồng lòng, ủng hộ của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế-xã hội có nhiều khởi sắc. Đáng chú ý, quỹ đạo phục hồi kinh tế của tỉnh đang bứt tốc, GRDP (quý I/2022 tăng 8,53%, quý II/2022 tăng 22,14%), 6 tháng đầu năm 2022 tăng 14,7%, nhờ đó, đã hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Dịch bệnh tiếp tục được kiểm soát hiệu quả; nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch. Kinh tế trên địa bàn tỉnh ổn định, CPI bình quân 6 tháng đầu năm chỉ tăng 2%, một dấu hiệu cho thấy tín hiệu phục hồi kinh tế rõ nét là IIP tăng cao 19,75%, đặc biệt tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ khôi phục mạnh mẽ với mức tăng rất cao 36,4%, một điểm nhấn đáng chú ý là thu hút vốn FDI (tổng vốn đầu tư FDI được cấp phép) tăng gấp 6,2 lần, thu NSNN trên địa bàn đạt 52,4 so với dự toán năm 2022, bội thu ngân sách; mặt bằng lãi suất ngân hàng ở mức hợp lý, tín dụng tăng trưởng nhanh (+12,2%) gần đạt kế hoạch năm của ngành Ngân hàng (kế hoạch năm 2022 là 14%), an sinh xã hội, hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động được triển khai tích cực, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, ổn định xã hội.

Tuy nhiên, trước diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế kinh tế của tỉnh đối mặt với không ít khó khăn như: Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là những người công nhân, cơ sở kinh doanh dịch vụ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; việc giải ngân vốn đầu tư công còn chậm không đạt kế hoạch; số lượng các doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng kinh doanh vẫn ở mức khá cao... là những gam màu kém tươi sáng qua đó mang những lo ngại nhất định.

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Dự báo tăng trưởng của tỉnh Bắc Ninh 6 tháng cuối năm và cả năm 2022

Ngoài những thuận lợi có được khi kiểm soát được dịch Covid-19 vẫn còn có nhiều khó khăn, thách thức có thể diễn ra và tác động đến phát triển kinh tế trong 6 tháng cuối năm, đó là: (1) Cuộc chiến Nga - Ukraine chưa có dấu hiệu “hạ nhiệt”, trong khi các lệnh trừng phạt do Mỹ và liên minh các quốc gia tiếp tục được triển khai, cùng với chiến lược “Zero Covid” do Trung Quốc thực hiện sẽ làm chuỗi cung ứng nguyên liệu, linh kiện trên thế giới bị gián đoạn và đẩy giá nhiên liệu “leo thang”; (2) Trong khi, nguyên liệu và hàng hóa của Nga và Ukraine không xuất khẩu được, nhất là lương thực, phân bón và nhiều loại nguyên liệu sản xuất cơ bản khác, có thể sẽ làm gia tăng nguy cơ khủng hoảng lương thực toàn cầu và tạo ra “cú sốc” mới về kinh tế.

Từ xu hướng tăng trưởng của từng quý và kết quả 6 tháng đầu năm, đồng thời đánh giá về khả năng giải ngân vốn đầu tư công, vốn FDI của một số dự án lớn, cũng như cập nhật tình hình khả quan của hoạt động SXKD của các cơ sở kinh tế, nhất là các dự án, doanh nghiệp sẽ đi vào hoạt động trong thời gian tới, Cục Thống kê Bắc Ninh dự báo tăng trưởng kinh tế theo hai kịch bản sau:

(1) Kịch bản khả quan (+10%)

Biểu 10. Tốc độ tăng GRDP kịch bản khả quan

Đơn vị tính: %

	Kịch bản Cao				
	Quý 3	9 tháng	Quý 4	6 TCN	Cả năm
GRDP	105,4	111,1	107,1	106,3	110,0
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>					
KV nông, lâm nghiệp, thủy sản	103,4	99,8	104,1	103,9	101,0
KV công nghiệp - xây dựng	104,2	110,9	105,9	105,0	109,5
<i>Tr.đó: Công nghiệp</i>	<i>103,6</i>	<i>111,8</i>	<i>105,1</i>	<i>104,3</i>	<i>109,8</i>
Khu vực dịch vụ	111,4	115,8	113,4	112,5	115,1
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	105,7	103,2	106,6	106,2	104,1

Theo đó, nếu tình hình diễn ra thuận lợi như các nhận định nêu trên, với triển vọng tăng trưởng của quý 3 đạt 5,4%, quý 4 đạt 7,1% và tính chung 6 tháng cuối năm tăng 6,3%, thì cả năm sẽ tăng 10%. Dự báo, khả năng tăng trưởng của từng khu vực cụ thể, như sau:

* *Khu vực NLTS*: Dự báo, vụ mùa sẽ tiếp tục mở rộng cơ cấu giống chất lượng, năng suất cao, ứng dụng CNC và nếu thời tiết diễn biến thuận lợi thì năng suất và sản lượng cây trồng sẽ đạt cao hơn. Tuy nhiên, do diện tích gieo trồng tiếp tục bị thu hẹp, nên trồng trọt khả năng chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

Trong chăn nuôi, dịch bệnh đã được kiểm soát, giá sản phẩm đầu ra có xu hướng tăng hơn, nhất là nhu cầu tiêu dùng thực phẩm cũng lớn hơn (do cùng kỳ năm trước vẫn bị ảnh hưởng của dịch Covid), dự báo tổng đàn lợn đến cuối năm sẽ có khoảng 310 nghìn con (đạt gần 80% so với thời điểm trước khi có dịch Tả lợn Châu Phi), tăng 12% so với cùng kỳ và đàn gia cầm duy trì mức tăng từ 8-10%, nên chăn nuôi sẽ tăng trên 10% trong 6 tháng cuối năm.

Thủy sản, 6 tháng cuối năm có thể đạt mức tăng trưởng gần 3% do nhu cầu tiêu dùng cũng lớn hơn, trong đó quý 3 tăng gần 4% (do cùng kỳ năm trước các sản phẩm thủy sản nuôi trồng không tiêu thụ được do nhu cầu thấp và bị hạn chế vận chuyển giữa các địa phương)

Trên cơ sở đánh giá, dự báo chung khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sẽ tăng 3,4% trong quý 3 (chủ yếu do chăn nuôi và thủy sản tăng cao) và quý 4 tăng 4,1% (do trồng trọt và chăn nuôi tăng cao hơn); dự báo 6 tháng cuối năm sẽ tăng 3,9% và sẽ bù đắp được mức giảm 1,2% của 6 tháng đầu năm, nên dự báo cả năm khu vực này sẽ tăng 1%.

* *Khu vực CN-XD*: Ở ngành công nghiệp, nếu các doanh nghiệp FDI ngành điện tử có thêm các sản phẩm mới từ cuối quý 3 theo kế hoạch và tiếp tục mở rộng thị phần trên thế giới, khả năng ngành công nghiệp sẽ đạt mức tăng trưởng 3,6% trong quý 3 (do quý 3/2021 tăng 13,3% khi dịch đã được kiểm soát hơn, với khoảng 90% doanh nghiệp quay trở lại hoạt động) và nếu quý 4 tăng trên 5%, thì ngành công nghiệp sẽ đạt mức tăng trưởng 4,3% trong 6 tháng cuối năm. Dự báo cả năm 2022, ngành công nghiệp sẽ tăng 9,8%.

Ngành xây dựng, theo nhận định những tháng cuối năm khi vốn đầu tư công được giải ngân, đồng thời sẽ có thêm nhiều dự án, công trình mới của các doanh nghiệp được khởi công và vốn đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp mới được phê duyệt cũng được đẩy nhanh tiến độ, nên ngành xây dựng sẽ đạt mức tăng trưởng khoảng 20% trong quý 3, tăng 25% trong quý 4 và tính chung 6

tháng cuối năm sẽ tăng trên 22%, sẽ bù đắp được mức giảm sâu trong 6 tháng đầu năm. Tính chung cả năm, ngành xây dựng sẽ tăng trên 1% so với năm 2021.

Tính chung khu vực CN-XD, sẽ đạt mức tăng 4,2% trong quý 3, tăng 5,9% trong quý 4 và tính chung 6 tháng cuối năm sẽ tăng 5%. Và, với mức tăng trưởng cao (+15,4%) trong 6 tháng đầu năm, dự báo khu vực này sẽ đạt mức tăng trưởng cả năm khoảng trên 9,5%, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh trong năm 2022.

** Khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm*

Do dịch Covid-19 đã cơ bản được kiểm soát, các ngành nghề kinh doanh thương mại và dịch vụ được dự báo sẽ “bung ra” trong những tháng cuối năm sau một thời gian dài phải tạm ngừng hoặc hoạt động cầm chừng để chống dịch. Bên cạnh đó, theo nhận định của các chuyên gia kinh tế các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng sẽ phát huy hiệu quả trong những tháng cuối năm, cũng góp phần kích cầu tiêu dùng. Ngoài ra, khi hoạt động sản xuất công nghiệp được mở rộng sẽ thu hút thêm lực lượng lao động ngoại tỉnh và sẽ kéo các ngành dịch vụ có liên quan tăng theo, như: tài chính, tín dụng và ngân hàng, bất động sản, dịch vụ hỗ trợ hành chính, dịch vụ việc làm, vui chơi giải trí và phục vụ cá nhân, cộng đồng,... Dự báo, khu vực dịch vụ sẽ đạt mức tăng trưởng 11,4% trong quý 3 và tăng 13,4% trong quý 4; tính chung 6 tháng cuối năm sẽ tăng trên 12,5%.

Thuế sản phẩm, theo nhận định khi các hoạt động sản xuất kinh doanh sôi động hơn, nhu cầu tiêu dùng gia tăng và hoạt động ngoại thương duy trì ổn định mức tăng trưởng trên 10%, nên thu ngân sách cũng tăng khá, sẽ giúp thuế sản phẩm đạt mức tăng trưởng 5,7% trong quý 3, tăng 6,6% trong quý 4 và tính chung 6 tháng cuối năm tăng 6,2%, cao hơn mức tăng 1,7% của 6 tháng đầu năm, nên dự báo cả năm thuế sản phẩm sẽ tăng 4,1%.

(2) Dự báo khả năng tăng trưởng thấp (+8%)

Biểu 11. Tốc độ tăng GRDP kịch bản thấp

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Kịch bản Thấp				
	Quý 3	9 tháng	Quý 4	6 TCN	Cả năm
GRDP	102,5	110,0	103,2	102,9	108,0
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>					
KV nông, lâm nghiệp, thủy sản	102,5	99,6	103,0	102,8	100,5
KV công nghiệp - xây dựng	101,3	109,8	101,9	101,6	107,5
<i>Tr.đó: Công nghiệp</i>	<i>101,0</i>	<i>110,7</i>	<i>101,5</i>	<i>101,3</i>	<i>108,1</i>
Khu vực dịch vụ	108,0	114,5	109,0	108,5	113,0
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	104,4	102,7	103,9	104,2	103,0

Cũng với tình hình như kịch bản tăng trưởng khả quan của cả năm là 10%, nhưng xét thêm các yếu tố khó khăn sẽ ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trong 6 tháng cuối năm do tác động của cuộc chiến Nga-Ukraine sẽ sâu rộng hơn đến kinh tế thế giới và nhiều ngành kinh tế của Việt Nam.

Khi đó, ngành nông nghiệp của tỉnh được dự báo sẽ tăng thấp hơn do giá phân bón và vật tư tăng cao, giá thức ăn chăn nuôi cũng tăng hơn do phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu, nên dự báo ngành NLTS chỉ tăng 2,5% trong quý 3 và tăng 3% trong quý 4, tính chung 6 tháng cuối năm tăng 2,8% và cả năm chỉ tăng 0,5%.

Trong khi, ngành công nghiệp điện tử có thể sẽ thiếu một số nguyên liệu cơ bản và linh kiện để sản xuất, và sẽ kéo theo các ngành, các doanh nghiệp vệ tinh, phụ trợ tăng thấp hơn, nên dự báo mức tăng trưởng của ngành công nghiệp chỉ đạt 1% trong quý 3 và tăng 1,5% trong quý 4, tính chung 6 tháng chỉ tăng 1,3% và dự báo cả năm tăng trên 8%.

Các ngành dịch vụ cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi giá nhiên liệu tiếp tục tăng, sẽ làm gia tăng chi phí vận tải và logistics,... nên dự báo các ngành dịch vụ sẽ đạt mức tăng trưởng thấp hơn: tăng 8% trong quý 3 và tăng 9% trong quý 4, tính chung 6 tháng tăng 8,5% và dự báo cả năm tăng 13%. Đồng thời, thuế sản phẩm cũng tăng thấp hơn do các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh kém hơn.

Trên cơ sở đó, Liên ngành dự báo tăng trưởng quý 3 chỉ đạt 2,5%, quý 4 đạt 3,2% và tính chung 6 tháng cuối năm đạt 2,9%, nên tăng trưởng cả năm sẽ đạt 8%.

2. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng cuối năm 2022 như sau:

Thứ nhất, tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình phòng chống dịch Covid-19, bao phủ tiêm vắc-xin phù hợp, nâng cao năng lực phòng, chống dịch, điều trị bệnh; bảo đảm nguồn cung, kiểm soát chặt chẽ việc mua, sử dụng thuốc, vật tư cho phòng, chống dịch;

Thứ hai, tập trung việc tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ về phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội nhằm tạo thêm nhiều động lực và “*sức bật*” cho nền kinh tế; tập trung thực hiện Chỉ thị số 01/CT-UBND về những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Chỉ thị số 02/CT-UBND về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2022; Chương trình hành động số 130/CTr-UBND về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các Chỉ thị cùng nhiều văn bản, chính sách tăng cường quản lý, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh phát triển toàn diện trên các lĩnh vực;

Thứ ba, tiếp tục rà soát nhiệm vụ, dự án, phương án, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án hạ tầng chiến lược để thúc đẩy phát triển KTXH. Ưu tiên bố trí vốn cho dự án quan trọng, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm, tạo động lực phát triển KTXH, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh;

Thứ tư, tăng cường quản lý, chống thất thu, chuyên giá, gian lận thương mại, trốn thuế, tích cực thu hồi nợ thuế, điều hành chi bám sát dự toán, tiết kiệm, hiệu quả;

Thứ năm, toàn bộ hệ thống chính trị của tỉnh chủ động theo dõi sát tình hình kinh tế - xã hội của cả nước, vùng và của tỉnh để có biện pháp ứng phó kịp thời, phù hợp, hiệu quả, trong đó lưu ý những tác động về quan hệ kinh tế, thương mại, giá hàng hóa (nhất là các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, các hàng hóa cơ bản, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất);

Thứ sáu, về sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản: Tiếp tục chỉ đạo sản xuất vụ mùa 2022 phân đầu hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Tăng cường kiểm tra thăm đồng, phân loại các trà lúa, giống lúa để hướng dẫn nông dân chăm sóc kịp thời, phù hợp với từng trà giống, giai đoạn phát triển, sinh trưởng của cây trồng. Theo dõi sát diễn biến thời tiết, sinh vật gây hại trên lúa và rau màu vụ mùa để có biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả. Xây dựng Quy định, định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình VietGAP; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị. Ổn định, phát triển chăn nuôi lợn. Kiểm soát tốt dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; tăng cường hoạt động kiểm dịch thú y; đẩy mạnh kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, sơ chế sản phẩm động vật.

Thứ bảy, về sản xuất công nghiệp: Tập trung chỉ đạo sản xuất, đặc biệt là các dự án công nghiệp trọng điểm nhằm tạo nguồn hàng hóa phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu. Tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường xuất nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng, linh kiện thay thế, phát triển các ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu như may mặc, điện tử...

Thứ tám, về khu vực dịch vụ: Theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả các mặt hàng thiết yếu để có biện pháp điều tiết kịp thời, đảm bảo phân phối hàng

hóa hợp lý, ổn định cung cầu - giá cả và lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh; khắc phục khó khăn, khôi phục hoạt động kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực du lịch, lưu trú, vận tải, nghiên cứu và vận hành các mô hình dịch vụ an toàn thích ứng với dịch bệnh.

Thứ chín, Tổ chức khai thác, tận dụng cơ hội từ các FTA để tìm giải pháp phát triển thị trường và tháo gỡ rào cản để thâm nhập các thị trường mới. Tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến của đại dịch Covid-19 và diễn biến căng thẳng chính trị giữa các nước trên thế giới để có các biện pháp ứng phó kịp thời. Ưu tiên triển khai các hoạt động xúc tiến xuất khẩu và các thị trường xuất khẩu sớm khôi phục sau đại dịch; tập trung theo dõi sát tình hình từng thị trường để rà soát, xác định các chủng loại hàng hóa mà các nước đang có nhu cầu nhập khẩu để khai thác, thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Vụ TKTH (TCTK);
- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP tỉnh uỷ, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Sở KHĐT, Sở Tài chính, NHNN tỉnh;
- Phòng ANKT (CA tỉnh); Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- LĐ Cục, các phòng CQ Cục;
- CCTK các H,TP;
- Lưu: TKTH,VT.

Q. CỤC TRƯỞNG

Vũ Minh Giang